

Dụng cụ cầm tay KYOCERA Nhật Bản **2025**



PROFESSIONAL TOOLS



Giải thích biểu tượng



Cách nhiệt 2 lớp



Điều chỉnh tốc độ



Khoá an toàn



Bôi trơn tự động



Chế độ đảo chiều



Chống ồn



Động cơ không chổi than lõi 6 cực



Điều chỉnh tốc độ bằng biến tần



Tháo lắp nhanh



Cơ chế thu gom bụi



Tay cầm bên trái/phải



Đầu khoan tự động



Động cơ không chổi than



Khởi động mềm



Khoá trực quay



Ly hợp thông minh



Tự ngắt khi quá tải



Thắng điện



Điều chỉnh lực bằng biến tần



Bôi trơn bằng mỡ



Tay cầm chống rung



Đầu nối ống



Công Ty TNHH KYOCERA Asia Pacific Việt Nam

Trụ sở văn phòng Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 207, tầng 2, tòa nhà V-Tower,
649 Kim Mã, Phường Giảng Võ, Hà Nội.

Văn phòng Hồ Chí Minh

Địa chỉ: SH74 Nam Phúc, Đường C Nam,
Phường Tân Mỹ, TP.HCM

Thông tin công ty

Tập đoàn KYOCERA

Tên công ty: Tập đoàn KYOCERA

Thành lập: Ngày 1 tháng 4 năm 1959

Tổng Giám Đốc: Hideo Tanimoto

Vốn điều lệ: 115,703 triệu Yên

Doanh thu: 2,014,454 triệu Yên

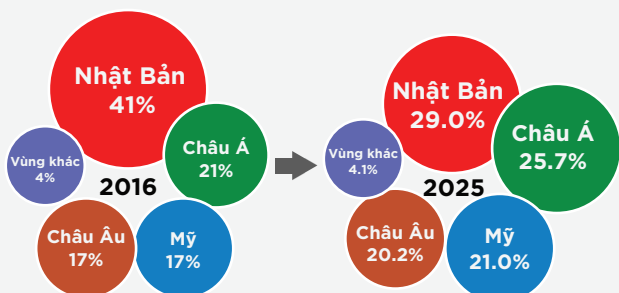
Lợi nhuận: 63,631 triệu Yên

Số công ty: 289

Số nhân viên: 77,136

Dữ liệu tài chính, số lượng công ty và nhân viên trong tập đoàn tính đến ngày 31/3/2025

Tỷ lệ doanh thu theo vùng năm 2016 so với năm 2025



Goro Yamaguchi
Chủ tịch HĐQT



Hideo Tanimoto
Tổng giám đốc

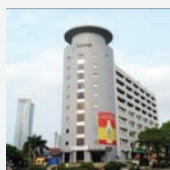
Lịch sử phát triển KYOCERA Asia Pacific



Thông tin công ty

Công ty TNHH KYOCERA Asia Pacific Vietnam (KAPV)

Thành lập: Ngày 26 tháng 10 năm 2021



Trụ sở văn phòng Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 207, tầng 2, tòa nhà V-Tower,
649 Kim Mã, Phường Giảng Võ, Hà Nội.
SĐT: 024 3766 7883



Văn phòng Hồ Chí Minh

Địa chỉ: SH74 Nam Phúc, Đường C Nam,
Phường Tân Mỹ, TP.HCM
SĐT: 028 3822 1240

Thành lập VPĐD tại HCM năm 2005 và Hà Nội năm 2011.



Lĩnh vực kinh doanh của KAPV

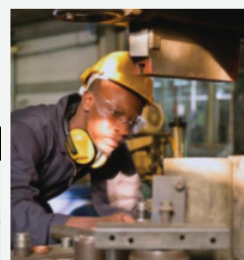
2005

Dụng Cụ Cắt

KAP thành lập Văn phòng đại diện Hồ Chí Minh nhằm phát triển kinh doanh Dụng Cụ Cắt tại thị trường Việt Nam.



CA1 Series



Milling - PR18 Series



2020

Dụng Cụ Cầm Tay

2018: Tập đoàn KYOCERA đã mua lại mảng kinh doanh Dụng Cụ Cầm Tay RYOBI từ tập đoàn RYOBI.

2020: Bắt đầu kinh doanh các sản phẩm thương hiệu KYOCERA (thay cho thương hiệu RYOBI).



Rotary Hammer AED2630VR



2021

Linh Kiện Điện Tử & Linh Kiện Gốm

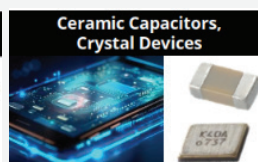
Bắt đầu triển khai kinh doanh mảng Linh Kiện Điện Tử và Linh Kiện Gốm.



Ceramic Packages, Ag Sintering Paste for Power Electronics



FPC Connectors / Tantalum Capacitors



Ceramic Capacitors, Crystal Devices



Ceramic package for Electronic Devices / MEMS / Sensor



Ceramic Package, Ag Sintering Paste for LiDAR/ LEDs



AEC-Q200 Ceramic Capacitors, Varistors



Tantalum / Aluminium Polymer Capacitors

Ngành Hàng Dụng Cụ Cầm Tay

Lịch sử Ngành Hàng Dụng Cụ Cầm Tay Kyocera

- **1968** Tập đoàn Ryobi Nhật Bản bắt đầu phát triển kinh doanh ngành dụng cụ cầm tay.
- **1994** Thành lập nhà máy sản xuất Ryobi Dalian Machinery tại Đại Liên, Trung Quốc.
- **2018** Tập đoàn KYOCERA mua lại ngành hàng dụng cụ cầm tay của RYOBI từ tập đoàn RYOBI và thành lập công ty Kyocera Industrial Tools (KIT).
- **2020** Kyocera phát triển sản phẩm mang thương hiệu Kyocera (thay thế cho Ryobi).
- **2021** Kyocera triển khai kinh doanh ngành hàng Dụng Cụ Cầm Tay tại Việt Nam.

Giá Trị cốt lõi

Luôn mang đến sự thoải mái và tiện dụng cho người dùng.

Thông Tin về KIT



Văn phòng chính
KYOCERA Industrial Tools Corporation (KIT)



Nhà máy sản xuất
KYOCERA RYOBI Machinery tại Đại Liên



Văn phòng kinh doanh
tại Nagoya Nhật Bản

Danh mục sản phẩm Kyocera

Chuyên Nghiệp



150
models

POWER



189
models

Làm Vườn



94
models

Hệ máy pin mới 18V Tiêu Chuẩn



HỆ SINH THÁI MỘT PIN



Công Nghệ Pin Lithium-ion Mới



Pin Lithium-ion

Pin 18V Tiêu Chuẩn - 3.0AH XB-3000



18V



Pin	18V 3.0Ah
Chức năng đặc biệt	Đèn hiển thị dung lượng pin
Kích thước (mm)	120 x 76 x 48
Trọng lượng (kg)	0.63

Pin 18V Tiêu Chuẩn - 4.0AH XB-4000



18V



Pin	18V 4.0Ah
Chức năng đặc biệt	Đèn hiển thị dung lượng pin
Kích thước (mm)	120 x 76 x 71
Trọng lượng (kg)	0.65

Sạc Pin

Sạc Pin 18V Tiêu Chuẩn XPP-2700



18V



Sạc pin	18V DC, 2.5A
Chức năng đặc biệt	Sạc nhanh với Đèn hiển thị tình trạng sạc
Thời gian sạc	80 phút cho pin 3.0Ah
Trọng lượng (kg)	0.35

Sạc Pin 18V Tiêu Chuẩn XPP-9000



18V



Sạc pin	18V DC 4.0Ah
Chức năng đặc biệt	Sạc nhanh với Đèn hiển thị tình trạng sạc
Thời gian sạc	55 phút cho pin 3.0Ah
Trọng lượng (kg)	0.48

Máy Vặn Vít Động Lực 18V Tiêu Chuẩn

ONE+



BIDX-1800

Lực siết
180Nm

18V

- * Động cơ không chổi than (brushless).
- * Lực siết mạnh 180Nm.
- * Có thể điều chỉnh tốc độ - 2 tốc độ.
- * Trang bị đèn LED.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Đầu kẹp	Chức năng đặc biệt	Lực siết	Tốc độ không tải	Tần số đập	Khả năng xiết	Trọng lượng
BIDX-1800	Lực giác 1/4 inch	Tốc độ tùy chỉnh	180Nm	0 - 1.400 # 0 - 2.200 vòng/phút	0 - 2.100 # 0 - 3.400 lần/phút	Vít: M4 - M8 Bu-lông: M5 - M16	1,18kg

Máy Khoan Động Lực 18V Tiêu Chuẩn

ONE+



2 cấp
tốc độ



3 chế độ khoan,
21 cấp chỉnh



Đèn LED
chiếu sáng



BPDx-1800

Lực siết
60Nm

18V

- * Động cơ không chổi than (brushless).
- * Điều chỉnh 21+1 cấp và chỉnh tiến - lùi.
- * Trang bị đèn LED.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Đầu kẹp	Điều chỉnh lực	Lực siết	Tốc độ không tải	Tần số đập	Khả năng khoan	Trọng lượng
BPDx-1800	13mm	21+1 cấp và chỉnh tiến - lùi	60Nm	0 - 500 / 0 - 2.000 min-1	0 - 6.400 / 0 - 24.000 min-1	Gỗ 38mm Bê tông 13mm Thép 13mm	1,3kg

Máy Siết Bu Lông 18V Tiêu Chuẩn

ONE+



BIWX-1800

Lực siết
330Nm

18V

- * Động cơ không chổi than (brushless).
- * Lực siết mạnh 330Nm.
- * Trang bị đèn LED.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Đầu kẹp	Lực siết	Tốc độ quay	Tần số đập	Khả năng xiết	Trọng lượng	Kích thước
BIWX-1800	Đầu vuông 1/2 inch (12.7mm)	330Nm	0 - 2.050 vòng/phút	0 - 3.300 lần/phút	Bu-lông: M6 - M22	1,07kg	129 x 72 x 203mm

Máy Mài Góc 18V Tiêu Chuẩn



Khởi động mềm



Tay cầm động học



Đầu bánh răng thấp



3 vị trí lắp tay cầm



BGX-1800

Đĩa
100mm

18V

- * Động cơ không chổi than (brushless).
- * Khởi động mềm, tay cầm động học mềm
- * Đầu bánh răng thấp với 3 vị trí lắp tay cầm



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Đường kính đĩa	Đường kính trong	Trục chính	Tốc độ không tải	Trọng lượng
BGX-1800	100mm	16 mm	M10	8,000 min-1	1,6kg

Máy Khoan 3 Chức Năng 18V Tiêu Chuẩn



Cân bằng động cao

4 chế độ

Đầu cặp SDS-plus



BRHX-1800

Lực đập
3J

18V

- * Động cơ không chổi than (brushless).
- * Điều chỉnh 4 chế độ
- * Cân bằng động cao



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Đầu cặp	Chức năng đặc biệt	Lực đập	Tốc độ không tải	Tần số đập	Chế độ	Khả năng khoan	Trọng lượng
BRHX-1800	SDS-PLUS	3 chức năng, chống rung với tay cầm mềm	3 J	0 - 1,050 min-1	0 - 5,600 min-1	4 chế độ	Gỗ 30mm Bê tông 26mm Thép 13mm	2,5kg

Pin Lithium-ion và Sạc

Công Nghệ Lithium-ion



Pin Lithium-ion

DB3625L



36V

18V

Pin	36V 2.5Ah 18V 5.0Ah
Kích thước (mm)	125 x 78 x 75
Trọng lượng (kg)	0.74

B-1850LA



18V

Pin	18V 5.0Ah
Kích thước (mm)	118 x 79 x 67
Trọng lượng (kg)	0.62

B-1815LA



18V

Pin	18V 1.5Ah
Kích thước (mm)	118 x 79 x 47
Trọng lượng (kg)	0.35

Sạc Pin

BC-1800L



Thông số	DC 18V / 9A (USB type A) DC 5V / 2.1A
Kích thước (mm)	186 x 149 x 87
Trọng lượng (kg)	0.79

UBC1804LA



Thông số	DC 18V / 6A
Kích thước (mm)	120 x 160 x 79
Trọng lượng (kg)	0.63

UBC-1802L



Thông số	DC 18V / 4A
Kích thước (mm)	120 x 160 x 77
Trọng lượng (kg)	0.54

Thời gian sạc	DB3625L 36V: 2.5Ah 18V: 5.0Ah	B-1850LA 18V 5.0Ah	B-1815LA 18V 1.5Ah
BC-1800L	37 phút		24 phút
UBC1804L	54 phút		21 phút
UBC-1802L	84 phút		25 phút

Hệ Máy Pin 36V

Dụng cụ cầm tay chuyên nghiệp NHẬT BẢN



Dòng Pin 36V



Dòng Pin 18V

Tất cả các máy dùng chung một Pin

Tự động chuyển đổi giữa 36V 2.5Ah và 18V 5.0Ah
tùy theo dòng điện của máy.

Công suất cao **1,200 W**



DG3600/DG3620

Máy mài góc (Công tắc trượt)

DG3600P/DG3620P

Máy mài góc (Công tắc bóp)

DK3600

Máy Cắt Cỏ

Moment xoắn cao

Tương đương
động cơ xăng 25.4 mL

4.0 kg trọng lượng nhẹ
Giúp thao tác dễ dàng



DCS3640

Máy Cưa Xích

Tốc độ cưa **20 m/s**

Tương đương
động cơ xăng

4.0 kg

Mẫu máy nhẹ nhất trong
dòng máy cưa xích 36V



Máy Mài Góc 36V



DG3600 / DG3620

Kích thước đĩa mài
100 / 125 mm

36V

- * Công suất cao tương đương Máy Mài Điện 1,200W.
- * Tự động dừng hoạt động khi có sự cố.
- * Điều khiển thay đổi nhiều tốc độ.
- * Tay cầm nhỏ gọn 144mm.



DG3600P / DG3620P

Kích thước đĩa mài
100 / 125 mm

36V

- * Công suất cao tương đương Máy Mài Điện 1,200W.
- * Tự động dừng hoạt động khi có sự cố.
- * Điều khiển thay đổi nhiều tốc độ.
- * Tay cầm nhỏ gọn 144mm.
- * Công tắc bóp giúp thao tác an toàn.



Thời gian hoạt động dài hơn
so với Máy Mài Góc 18V

55%
Thời gian
hoạt động

DG183
18V 5.0Ah

DG3620
36V 2.5Ah

So sánh khả năng cắt mỗi lần sạc

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Đường kính đá mài (mm)	Loại công tắc	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DG3600	100	Trượt	3,000 - 8,000	2.3 kg (với pin 36V 2.5Ah)	386 x 117 x 131
DG3620	125			386 x 141 x 137	
DG3600P	100	Bóp		2.5 kg (với pin 36V 2.5Ah)	386 x 117 x 131
DG3620P	125			386 x 141 x 137	

Máy Cưa Xích 36V

36V
Power Tools



DCS3640

Khả năng cắt
350 mm

36V



- * Công suất cao tương đương động cơ xăng 30mL.
- * Mẫu máy nhẹ nhất trong dòng máy cưa xích 36V.
- * Tay cầm phía sau cho khả năng cắt mạnh mẽ.
- * Nắp bảo vệ pin giúp bảo vệ pin khi mưa.
- * Dễ dàng điều chỉnh độ căng xích.



Chỉ tiếng Nhật



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Khả năng cắt (mm)	Tốc độ cưa (m/s)	Cưa xích	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DCS3640	350	20	90PX-52E	4.0 (với pin 36V 2.5Ah)	778 x 227 x 224

Máy Cắt Cỏ 36V

Lực siết mạnh như động cơ xăng 25.4mL

và nhẹ* hơn **25%**

* So với Máy Cắt Cỏ động cơ xăng 25.4mL



36V
Power Tools

DK3600

Loại lưỡi
Lưỡi cưa

36V



- * Thiết kế nhỏ gọn, moment xoắn mạnh tương đương các máy động cơ xăng 24.5mL.
- * 4.0kg siêu gọn nhẹ, dễ dàng thao tác.
- * Giảm độ rung truyền nhờ Cao su chống rung ở tay cầm.



Chỉ tiếng Nhật



Thông số kỹ thuật

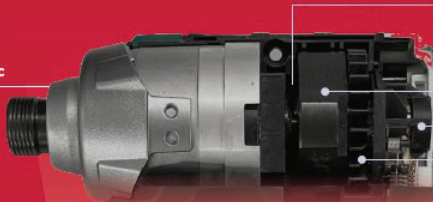
Dòng máy	Loại lưỡi	Tốc độ quay (min-1)	Thời gian hoạt động (Phút)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DK3600	255 mm	Cao 6,500 Trung 5,300 Thấp 3,500	Cao 40 Trung 61 Thấp 178 (với pin 36V 2.5Ah)	4.0 kg (với pin 36V 2.5Ah)	1,816 x 706 x 411

Nhỏ gọn và mạnh mẽ



So sánh từng loại động cơ
động cơ

Động cơ 4 cực

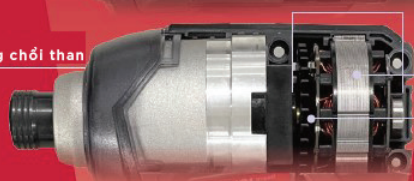


Lõi

Chổi than

Quạt

Động cơ không chổi than



Lõi

Quạt

Động cơ không chổi than
lõi 6 cực



Lõi

Quạt

Lõi 6 cực

Động cơ
Không Chổi Than

Cấu trúc lõi 6 cực tạo ra cuộn dây dày mang đến động cơ không chổi than nhỏ gọn và mạnh mẽ.



Máy Vặn Vít động Lực 18V



DID11XR

Lực siết tối đa
165 N·m

18V

- * Công nghệ động cơ không chổi than (Lõi 6 cực)
- * Vận hành với 5 chế độ.
- * Trọng lượng chỉ 1.1 kg, mẫu máy nhẹ nhất trong các máy vặn vít 18V của Kyocera.



DID183

Lực siết tối đa
180 N·m

18V

- * Công nghệ động cơ không chổi than (Lõi 6 cực)
- * Thiết kế rãnh trên trục cam có tác dụng giảm hiện tượng “cam-out” (mũi vít không bị trượt khi sử dụng).
- * Vòng bi đĩa giúp giảm thiểu sự rung lắc của đầu vít giúp máy hoạt động chính xác và độ bền cao.



Sản phẩm mới

DID10XR

180 N·m

18V



- * Thân máy nhỏ gọn 106 mm.
- * Vận hành với 5 chế độ.
- * Tích hợp đèn LED.
- * Tay cầm được thiết kế chống rung.



DID1806

170 N·m

18V



- * Thiết kế nhỏ gọn và hoạt động mạnh mẽ.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Khả năng vặn vít	Lực siết tối đa (N.m)	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Độ va đập (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DID11XR	- Ốc vít M4-M8 - Bu lông M5-M14 - Bu lông cường lực M5-M12	165	Cao 0 - 2,900 Trung 0 - 2,000 Thấp 0 - 900 Teks 0 - 2,900 Lock-on 0 - 2,500	Cao 0 - 4,400 Trung 0 - 3,300 Thấp 0 - 1,500 Teks 0 - 1,800	1.1 (với pin 1.5Ah) 1.4 (với pin 5.0Ah)	99.4 x 79 x 217 (với pin 1.5Ah) 99.4 x 79 x 237 (với pin 5.0Ah)
DID183	- Ốc vít M4-M8 - Bu lông M5-M16 - Bu lông cường lực M5-M14	180	Cao 0 - 3,200 Trung 0 - 2,100 Thấp 0 - 1,100 Teks 0 - 3,200	Cao 0 - 3,500 Trung 0 - 3,400 Thấp 0 - 2,200 Teks 0 - 2,200	1.6 (với pin 5.0Ah)	118.7 x 81 x 247.8
DID10XR	- Ốc vít M4-M8 - Bu lông M5-M16 - Bu lông cường lực M5-M14	180	Cao 0 - 2,900 Trung 0 - 2,100 Thấp 0 - 1,000 Teks 0 - 2,900 Lock-on 0 - 2,500	Cao 0 - 4,100 Trung 0 - 2,400 Thấp 0 - 1,200 Teks 0 - 1,600	1.5 (với pin 5.0Ah)	106 x 79 x 240
DID1806	- Ốc vít M4-M8 - Bu lông M5-M14 - Bu lông cường lực M5-M12	170	0 - 2,500	0 - 3,000	1.7 (với pin 5.0Ah)	157 x 75 x 236

Máy Siết Bu Lông 18V

DIW183

300N·m

18V



- Động cơ không chổi than (Lõi 6 cực).
- Lực siết 300 N.m.
- Thân máy nhỏ gọn dễ dàng thao tác.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Khả năng vận	Lực siết (N·m)	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Độ va đập (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DIW183	Bu lông : M10 - M20 Bu lông cường lực: M12- M16	Cao 300 Trung 170 Thấp 100	Cao 0 - 2,650 Trung 0 - 1,600 Thấp 0 - 1,450	Cao 0 - 3,400 Trung 0 - 2,900 Thấp 0 - 2,700	1.7 (với pin 5.0Ah)	145 x 79 x 253 (với pin 5.0Ah)

Máy Khoan Búa 18V

DPD181

80N·m

18V



- Động cơ không chổi than (Lõi 6 cực).
- Vận hành với 2 chế độ.
- Thân máy nhỏ gọn dễ dàng thao tác.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Khả năng khoan (mm)			Khả năng vận (mm)		Đầu kẹp (mm)	Lực siết tối đa (N·m)	Thiết lập lực siết	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Độ va đập (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
	Bê tông	Thép	Gỗ	Vít gỗ	Ốc vít							
DPD181	13	13	38	10 x 90	M6	1.5 - 13	Cao 22 Thấp 80	0.8-4.8 N·m 21 bước	Cao 0-2,200 Thấp 0-600	Cao 0-33,000 Thấp 0-9,000	2.0 (với pin 5.0Ah)	178 x 79 x 260

Máy Khoan 18V

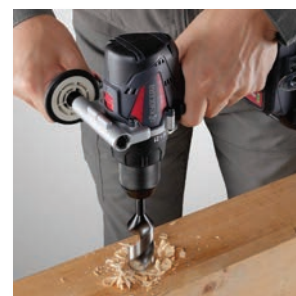
DD181

80N·m

18V



- Động cơ không chổi than (Lõi 6 cực).
- Vận hành với 2 chế độ.
- Thân máy nhỏ gọn dễ dàng thao tác.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Khả năng khoan (mm)		Khả năng vận (mm)		Đầu kẹp (mm)	Lực siết tối đa (N·m)	Thiết lập lực siết	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
	Thép	Gỗ	Vít gỗ	Ốc vít						
DD181	13	38	10 x 90	M6	1.5 - 13	Cao 22 Thấp 80	0.8-4.8 N·m 21 bước	Cao 0-2,200 Thấp 0-600	1.9 (với pin 5.0Ah)	171 x 79 x 260

Máy Cưa Kiểm 18V

DRJ11XR
18V


- Thiết kế nhỏ gọn, dễ thao tác bằng một tay.
- Ứng dụng đa dạng phù hợp nhiều công việc khác nhau.
- Hoạt động với 3 chế độ.



Chỉ tiếng Nhật


DRJ1830
18V


- Có thể điều chỉnh tốc độ
- Tay cầm chống rung giúp thoải mái khi cầm và thao tác cắt.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Khả năng cắt (mm)	Tốc độ cắt (min ⁻¹)	Độ dài cắt (mm)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DRJ11XR	Ống nhựa PVC 120 Gỗ 55 Thép mềm 3.5	Cao 0 - 3,900 Trung 0 - 3,600 Thấp 0 - 3,300	10	1.8 (với pin 5.0Ah)	349 x 79 x 123
DRJ1830	Ống nhựa PVC 130 Gỗ 155	Tự động 0-1,600 / 0 - 2,500 Cao 0 - 2,500 Trung 0 - 2,000 Thấp 0 - 1,600	32	3.5 (với pin 5.0Ah)	434 x 91 x 215

Máy Cắt Rung 18V


DMT11XR
STARLOCK MAX
18V


- * Phụ kiện thuộc dòng STARLOCK, gồm các lưỡi STARLOCK MAX, STARLOCK PLUS và STARLOCK.
- * Động cơ không chổi than (Lõi 6 cực) nhỏ gọn và công suất cao giúp thao tác cắt nhanh.



Chỉ tiếng Nhật



* "STARLOCK" là nhãn hiệu thuộc Robert Bosch GmbH, C & E. Fein GmbH. Chúng tôi sử dụng theo thỏa thuận cấp phép.

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Tốc độ không tải (min ⁻¹)	Góc dao động (°)	Rung (m/s ²)	Loại lưỡi	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DMT11XR	6,000 - 20,000	Trái / Phải 1.4 (Tổng 2.8)	2.7	STARLOCK MAX	1.9 (với pin 5.0Ah)	299 x 80 x 120

Máy Cưa Đĩa 18V

CẮT TỐC ĐỘ CAO



Máy Cưa Đĩa KYOCERA



DNW11XR

Đường kính **165 mm**

18V

- * Công suất 800W.
- * Trọng lượng nhẹ giúp thao tác một cách thoải mái và chính xác.

Chiều sâu cắt tối đa 66 mm



Chỉ tiếng Nhật



Động cơ không chổi than (Lõi 6 cực)



Có khả năng điều chỉnh tốc độ



Hộp bụi có thể tháo rời

DNW180

Đường kính **125 mm**

18V



Chiều sâu cắt tối đa 47 mm



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Đường kính. (mm)	Khả năng cắt tối đa (mm)			Tốc độ quay (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
		90°	45°	Trái 15°			
DNW11XR	165	66	44	61	4,100	3.3 (với pin 5.0Ah)	287 x 201 x 258
DNW180	125	47	30	20	5,300	3.3 (với pin 5.0Ah)	284 x 191 x 239

Máy Mài Góc 18V



DG11XR

Đường kính đĩa
100 mm

18V

- * Động cơ không chổi than (Lõi 6 cực).
- * Công suất cao 800W.
- * Thân máy nhỏ gọn 311mm.
- * Đầu máy tròn nhỏ giúp thao tác trong không gian hẹp.
- * Có thể điều chỉnh tốc độ.



Segmented Core Brushless Motor



XR Chế độ tốc độ cao
Tốc độ quay: 8,000 min⁻¹

XR Chế độ tốc độ trung
Tốc độ quay: 6,000 min⁻¹

XR Chế độ tốc độ thấp
Tốc độ quay: 3,000 min⁻¹

DG181

100 mm

18V



- * Công suất cao 900W.
- * Công tắc bóp giúp thao tác an toàn.
- * Đầu máy tròn nhỏ giúp thao tác trong không gian hẹp.
- * Có khả năng điều chỉnh tốc độ.
- * Tự động dừng khi quá tải.



Chỉ tiếng Nhật

DG183

125 mm

18V



- * Công suất cao 900W.
- * Công tắc bóp giúp thao tác an toàn.
- * Đầu máy tròn nhỏ giúp thao tác trong không gian hẹp.
- * Có khả năng điều chỉnh tốc độ.
- * Tự động dừng khi quá tải.



Chỉ tiếng Nhật

DG1810

100 mm

18V



- * Động cơ 18V công suất cao
- * Đầu máy tròn nhỏ giúp thao tác trong không gian hẹp.

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Đường kính đĩa (mm)	Loại công tắc	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DG11XR	100	Trượt	Cao 8,000 Trung 6,000 Thấp 3,000	1.9 (với pin 5.0Ah)	311 x 117 x 129
DG181	100	Bóp	3,000-8,000	2.1 (với pin 5.0Ah)	352 x 117 x 136
DG183	125	Bóp	3,000-8,000	2.3 (với pin 5.0Ah)	352 x 141 x 142
DG1810	100	Trượt	10,000	2.1 (với pin 5.0Ah)	307 x 117 x 122

Máy Đánh Bóng 18V



DPE11XR

Single Action

18V

- * Lực siết cao nhờ động cơ không chổi than (Lõi 6 cực).
- * Có khả năng điều chỉnh tốc độ.
- * Tay cầm nhỏ gọn.



Chỉ tiếng Nhật




DPEG11XR

Gear Action

18V

- * Lực siết cao nhờ động cơ không chổi than (Lõi 6 cực).
- * Có khả năng điều chỉnh tốc độ.
- * Tay cầm nhỏ gọn.



Chỉ tiếng Nhật



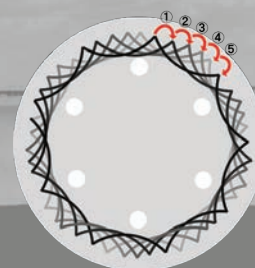
Máy đánh bóng dùng pin KYOCERA



Động cơ không chổi than (Lõi 6 cực)
nhỏ gọn và mạnh mẽ.



Đệm đánh bóng đường kính 80mm giúp
dễ dàng đánh bóng bề mặt hẹp.



Thiết kế quay lệch tâm
giúp đánh bay các vết trầy nhỏ hiệu quả.
(chỉ DPEG11XR)

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Đường kính đệm đánh bóng (mm)	Đường kính quỹ đạo (mm)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DPE11XR	Cao 2,500 Trung 2,000 Thấp 1,600	75 / 80	-	1.7 (với pin 1.5Ah)	300 x 79 x 143
DPEG11XR	Cao 780 Trung 650 Thấp 520	75 / 80	4 mm	1.8 (với pin 1.5Ah)	300 x 79 x 143

Máy Trộn Sơn 18V

DPM180
800 min⁻¹
18V


- Thời gian hoạt động dài 60 phút cho 1 lần sạc.
- Nắp pin thiết kế độc đáo bảo vệ pin không dính sơn.



Chỉ tiếng Nhật



Nắp Pin



Vòng ngoài không gỉ giúp giảm trầy thùng chứa

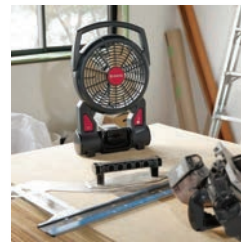
Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Đường kính đĩa trộn (mm)	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DPM180	150	800	3.2 (với pin 5.0Ah)	885 x 93 x 206

Quạt 18V

DF180
18V


- 2 chế độ.
- Tay cầm lớn dễ cầm nắm để di chuyển.
- Có tính năng hẹn giờ.
- Có thể cắm điện để sử dụng.
- Nghiêng tối đa 45°



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Tốc độ gió (m/phút)	Thời gian hoạt động mỗi lần sạc (phút)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DBL180	Cao 115 Thấp 85	Cao 160 Thấp 360 (với pin 5.0Ah)	1.9 (Không pin)	124 x 310 x 510

Máy Thổi Bụi 18V

DBL180
18V


- Có khả năng điều chỉnh tốc độ.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Khả năng thổi		Lực hút (kPa)	Thời gian hoạt động mỗi lần sạc (phút)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
	Dung tích khí (m ³ /min)	Tốc độ thổi gió tối đa (m/s)				
DBL180	0 - 2.3	0 - 17.2	3.5	Cao 35 Thấp 49 (với pin 5.0Ah)	1.9 (với pin 5.0Ah)	564 x 162 x 239

Máy Hút Bụi 18V



Manh mẽ và Lọc khí sạch

Tháo gỡ và rửa sạch dễ dàng
Cyclone lọc bụi

Hút hầu hết bụi mịn
Lõi HEPA



Tiếng ồn
67 dB
(Chế độ Cao)

Lực hút tối đa
100W

DHC181

Lực hút
Tối đa. **100W**

18V

- * Công suất mạnh mẽ.
- * Cyclone lọc bụi hiệu quả cao.
- * Bộ lọc HEPA giữ cho khí thải luôn sạch sẽ.

Phụ kiện tùy chọn



Chỉ tiếng Nhật



* Theo khảo sát của chúng tôi tháng 5, 2022

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Lực hút (W)	Thời gian hoạt động (min)	Túi rác (L)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DHC181	Cao 100 Trung 50 Thấp 35 (không có Cyclone)	Cao 20 Trung 35 Thấp 45 (với pin 5.0Ah)	Túi bụi 0.5 Túi giấy 0.33	1.6 (Thân máy với pin 5.0Ah)	970 x 121 x 188

Máy Thổi Hơi Nóng 18V

DHAG180

500°C

18V



- Điều chỉnh nhiệt độ chỉ một chạm
- Đèn LED độ sáng cao

Safety
Switch



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Dung tích khí (L/min)	Nhiệt độ	Thời gian hoạt động mỗi lần sạc (phút)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DHAG180	200	500°C (932°F)	19 (với pin 5.0Ah)	1.2 (với pin 5.0Ah)	165 x 79 x 257

Máy Lát Gạch 18V

DTP180
18V


- Thiết kế nhỏ gọn và dễ dàng sử dụng.
- Thời gian hoạt động: 60 phút/sạc



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Tốc độ rung (min ⁻¹)	Độ rung (mm)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DTP180	12,500	0.35	0.98 (với pin 1.5Ah)	197 x 79 x 212

Máy Bơm Mỡ 18V

DGG180
18V


- Điều chỉnh được áp suất giúp bơm mỡ dễ dàng.

Thông số kỹ thuật

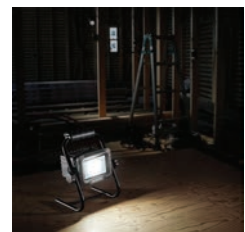
Dòng máy	Áp suất xả tối đa (MPa)	Khả năng bơm mỡ (g/min)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DGG180	40	72	3.2 (với pin 1.5Ah)	380 x 79 x 467

Đèn chiếu sáng 18V

DWL180
18V


- Đèn LED độ sáng cao.
- Góc xoay 360 độ.

Phụ kiện tùy chọn
Chân đèn đứng



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	LED	Độ sáng (lm)	Độ rọi (lx/1m)	Góc xoay điều chỉnh được	Thời gian hoạt động mỗi lần sạc (giờ)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DWL180	18W (0.5W x 36)	Cao 1,500 Thấp 500	Cao 650 Thấp 250	Dọc 360 độ	Cao 7 Thấp 19 (với pin 5.0Ah)	1.9 (với pin 5.0Ah)	564 x 162 x 239

Máy Vặn Vít Cầm Tay



HSD-360L

Lực siết
3.5 N·m

3.6V

- * Tay cầm có 2 vị trí.
(90° & 180°)
- * Tiện lợi khi thao tác trong không gian hẹp.
- * 16 phụ kiện đi kèm.



Vặn để thay đổi tay cầm của máy.



BDX-2

Lực siết
3.5 N·m

3.6V

- * Máy vặn vít tích hợp pin Li-ion nhỏ gọn.
- * Đèn LED trước giúp quan sát rõ khi thao tác, đèn LED phía sau thể hiện chế độ quay (Tiến/Lùi)
- * Dễ dàng thao tác ở mọi vị trí.



Chỉ tiếng Nhật
Former brand version



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Loại đầu vít	Lực siết tối đa (N·m)	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Pin	Thời gian sạc	Trọng lượng (kg)
HSD-360L	6.35 mm HEX	3.5	180	3.6V 1.3Ah Li-ion (Built-in)	3 giờ	0.3
BDX-2	6.35 mm HEX	3.5	180	3.6V 1.5Ah Li-ion (Built-in)	5 giờ	0.3

Máy Khoan Vặn Vít 12V



BD-120C

Lực siết
28 N·m

12V

- * 2 chế độ tốc độ và 17 chế độ lực siết.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Khả năng vặn (mm)	Lực siết tối đa (N·m)	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Kích thước đầu kẹp (mm)	Pin	Thời gian sạc (phút)	Trọng lượng (kg)
BD-120C	Gỗ 20 Thép 10	28	Thấp 0 - 400 Cao 0 - 1,300	10 mm	12V 1.5Ah x 2 Li-ion	30	1.0

Máy Vặn Vít Pin

Giúp tiết kiệm thời gian thay dao

Dễ dàng điều chỉnh lực siết

Mô-men xoắn dễ dàng điều chỉnh theo bất kỳ giá trị nào



Mã	Mômen điện cực đại	Mômen xoắn bằng tay (Cao độ: 0.05N·m)
DTD500	1 N·m (khi siết M5)	1~5 N·m
DTD750	1.5 N·m (khi siết M6)	4~7.5 N·m

Đây là giá trị tham khảo khi pin được sạc đầy. Điều này thay đổi tùy thuộc vào các điều kiện như tình trạng pin tích hợp, điều kiện làm việc và nhiệt độ môi trường.



DTD500

Mômen điện cực đại 1N·m
Mô-men xoắn bằng tay 1~5N·m

3.7V

* Giúp thay mảnh dao nhanh chóng và dễ dàng

Phụ kiện tiêu chuẩn

Cáp sạc USB (USB Type-C 1m)

Bộ đầu lục giác sao 65mm (T8, T15, 8IP, 15IP, 20IP)



DTD750

Mômen điện cực đại 1.5N·m
Mô-men xoắn bằng tay 4.0~7.5N·m

3.7V

* Giúp thay mảnh dao nhanh chóng và dễ dàng

Phụ kiện tiêu chuẩn

Cáp sạc USB (USB Type-C 1m)

Bộ đầu lục giác sao 65mm (T8, T15, 8IP, 15IP, 20IP)



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Mômen điện cực đại (N·m)	Mômen xoắn bằng tay (N·m)	Tốc độ quay không tải (min ⁻¹)	Đầu kẹp (mm)	Pin	Trọng lượng (kg)
DTD500	1 (khi siết M5)	1~5 (Cao độ: 0.05)	270	lục giác 6.35	970mAh Li-ion (Built-in)	0.57
DTD750	1.5 (khi siết M6)	4.0~7.5 (Cao độ: 0.05)	270	lục giác 6.35	970mAh Li-ion (Built-in)	0.59

Máy Khoan Búa



AED2630VR

SDS-PLUS
830W

- * Công suất 830W.
- * 3 chế độ : Khoan Bê Tông, Khoan động lực, Đục.



Khả năng khoan (bê tông) : 26mm



AED2620VR

SDS-PLUS
830W

- * Công suất 830W.
- * 2 chế độ : Khoan Bê Tông, Đục.

Khả năng khoan (bê tông) : 26mm



ED-2600R

SDS-PLUS
800W


- * Công suất 800W.
- * 3 chế độ: Khoan Bê Tông, Khoan động lực, Đục.

 Khả năng khoan (bê tông)
26 mm


RH-1440

SDS-MAX
1,400W


- * Công suất 1,400W.
- * Khoá mũi đục ở 12 vị trí khác nhau.
- * 2 chế độ: Khoan Bê Tông, Đục.

 Khả năng khoan (bê tông)
40 mm


Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Đường kính khoan (mm)	Số vòng quay (min ⁻¹)	Tốc độ đập (min ⁻¹)	Lực đập (J)	Đầu kẹp	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AED2630VR / AED2620VR	830	26 (Bê tông) 13 (Sắt) 32 (Gỗ)	0 - 1,100	0 - 4,600	2.7	SDSPLUS	2.7	367 x 78 x 214
ED-2600R	800	26 (Bê tông) 13 (Sắt) 30 (Gỗ)	0 - 1,050	0 - 4,860	3.3	SDSPLUS	3.0	360 x 75 x 200
RH-1440	1,400	40 (Bê tông)	580	3,700	9.0	SDSMAX	7.3	-

Khoan Động Lực



APD220VR

Đầu kẹp
13 mm

800W

- * Công suất 800W.
- * 2 chế độ tốc độ.
- * Vỏ máy được đúc bằng nhôm giúp nâng cao tuổi thọ cho máy.



PD-196VR

13 mm

710W



- * Thân máy thon gọn.
- * Tay cầm chống rung.



PD-750K

13 mm

750W



- * Công suất 750W.
- * Thân máy thon gọn.
- * Tay cầm chống rung.
- * Bao gồm 75 phụ kiện đi kèm.



PD-130VR

13 mm

650W



- * Công suất 650W.
- * Thân máy thon gọn.



PD-550K

13 mm

550W



- * Bao gồm 87 phụ kiện đi kèm.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Đầu kẹp (mm)	Đường kính khoan (mm)	Số vòng quay (min ⁻¹)	Tốc độ đập (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
APD220VR	800	13	22 (Bê tông) 13 (Sắt) 40 (Gỗ)	0 - 1,350 0 - 2,700	0 - 43,200 0 - 21,600	2.7	350 x 86 x 214
PD-196VR	710	13	19 (Bê tông) 13 (Sắt) 25 (Gỗ)	0 - 2,600	0 - 46,800	1.75	299 x 66 x 198
PD-750K	750	13	13 (Bê tông) 13 (Sắt) 25 (Gỗ)	0 - 3,000	0 - 48,000	2.5	310 x 62 x 225
PD-130VR	650	13	13 (Bê tông) 13 (Sắt) 25 (Gỗ)	0 - 2,800	0 - 28,000	1.75	299 x 71 x 203
PD-550K	550	13	13 (Bê tông) 13 (Sắt) 25 (Gỗ)	0 - 3,000	0 - 48,000	1.9	-

Khoan



D-110VR

Đầu kẹp
10 mm

500W

* Công suất cao và thân máy nhỏ gọn.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Đầu kẹp (mm)	Đường kính khoan (mm)	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
D-110VR	500	10	25 (Gỗ) 10 (Sắt)	0 - 2,800	1.4	245 x 64 x 187

Máy Khoan Đục Bê Tông

Lực mạnh và độ rung thấp



ACH470

Mũi khoan
17 mm HEX

8.8 J

- * Tích hợp giảm rung trên tay cầm.
- * Chế độ tự động ngắt khi quá tải.
- * Tháo lắp mũi đục nhanh.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Lực đập (J)	Tốc độ đập (min ⁻¹)	Kiểu đầu kẹp	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
ACH470	1,050	8.8	3,000	17 mm Hex	5.3	456 x 106 x 235

Máy Trộn Sơn

APMT1362

Tốc độ quay
600 / 1,300 min⁻¹



- * 2 chế độ điều chỉnh tốc độ phù hợp nhiều loại sơn.
- * Tay cầm phụ dài bằng cao su giúp điều khiển tốt hơn và sử dụng thoải mái.



Chỉ tiếng Nhật
Former brand version

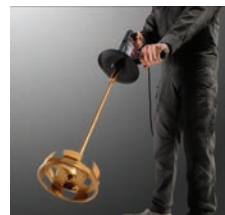


APM1011

Tốc độ quay
1,000 min⁻¹



- * Công suất 800W.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Đường kính quạt trộn (mm)	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
APMT1362	780	135 / 150	600 / 1,300	3.0	880 x 92 x 138
APM1011	800	150	1,000	2.5	855 x 86 x 138

Máy Siết Bu-lông



AIW2000

Lực siết tối đa
200 N·m

- * 2 chế độ momen xoắn cho đa ứng dụng.
- * Thiết kế tay cầm chống mỏi.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Lực siết (N·m)	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Tốc độ đập (min ⁻¹)	Đầu nối (mm)	Ốc siết	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AIW2000	320	Cao 200 Thấp 100	Cao 0 - 3,100 Thấp 0 - 2,600	Cao 0 - 3,200 Thấp 0 - 2,500	12.7 (1/2")	Bu-lông : M10 - M20 Bu-lông dài : M10 - M16	1.5	233 x 72.5 x 205

Máy Mài Góc

AG1010X

Đĩa 100 mm

Công Tắc Trượt



- * Công suất 770W.
- * Đường kính tay cầm 56mm.



Bộ lọc bụi lưới 0.16 mm giúp tăng tuổi thọ động cơ.



AG1160X

Đĩa 115 mm

Công Tắc Trượt



*Photo: AG1010X

- * Công suất 770W.
- * Đường kính tay cầm 56mm.



Chỉ tiếng Nhật



AG1009

Đĩa 100 mm

Trượt



*Photo: AG1159



- * Công suất 1,010W.
- * Bộ lọc bụi giúp ngăn chặn bụi tới mức 0.16mm.

AG1159

Đĩa 115 mm

Trượt



- * Công suất 1,010W.
- * Bộ lọc bụi giúp ngăn chặn bụi tới mức 0.16mm.

AG1259

Đĩa 125 mm

Trượt



*Photo: AG1159



- * Công suất 1,010W.
- * Bộ lọc bụi giúp ngăn chặn bụi tới mức 0.16mm.

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Đĩa (mm)	Công tắc	Tốc độ không tải (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AG1010X	770	100	Trượt	13,000	1.6	265 x 117 x 88
AG1160X	770	115	Trượt	13,000	1.7	265x 129 x 94
AG1009	1,010	100	Trượt	11,000	1.7	268 x 117 x 93
AG1159	1,010	115	Trượt	11,000	1.8	268 x 129 x 99
AG1259	1,010	125	Trượt	11,000	1.9	268 x 141 x 99

Máy Mài Góc

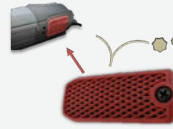
AG1000

Đĩa
100 mm

Công Tắc Trượt



- * Công suất 900W.
- * Tay cầm nhỏ gọn.



Khả năng chống bụi mịn cao.



AG1150

Đĩa
115 mm

Công Tắc Trượt



- * Công suất 900W.
- * Thích hợp ở những nơi làm việc chật hẹp.



Chỉ tiếng Nhật



*Photo: AG1000

AG1000T

100 mm Công tắc đuôi

- * Thân máy nhỏ gọn.
- * Có tích hợp bộ lọc bụi.



AG111

100 mm Công tắc đuôi

- * Thân máy nhỏ gọn.
- * Khả năng chống bụi tới 0.16mm.
- * Đầu máy mài thiết kế nhỏ gọn phù hợp với không gian hẹp.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Đĩa (mm)	Công tắc	Tốc độ không tải (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AG1000	900	100	Trượt	13,000	1.6	272 x 115 x 97
AG1150	900	115	Trượt	13,000	1.6	272 x 127 x 99
AG1000T	720	100	Đuôi	13,000	1.5	269 x 115 x 97
AG111	730	100	Đuôi	12,000	1.5	279 x 117 x 88

Máy Mài Góc

G-650

Đĩa
100 mm

Công Tắc Trượt



* Dòng máy mài thông dụng với hiệu suất, độ bền cao, giá cả hợp lý.



AG670

Đĩa
100 mm

Công Tắc Trượt



* Dòng máy mài thông dụng với hiệu suất, độ bền cao, giá cả hợp lý.



G-1110D

100 mm

Công tắc bóp



* Dòng máy mài thông dụng với hiệu suất, độ bền cao, giá cả hợp lý.



AG670T

100 mm

Công tắc đuôi



* Dòng máy mài thông dụng với hiệu suất, độ bền cao, giá cả hợp lý.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Đĩa (mm)	Công tắc	Tốc độ không tải (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
G-650	650	100	Trượt	11,000	1.5	261 x 115 x 97
AG670	670	100	Trượt	11,000	1.5	261 x 115 x 97
G-1110D	1,000	100	Bóp	11,500	2.1	271 x 125 x 102
AG670T	650	100	Đuôi	11,000	1.5	269 x 115 x 97

Máy Mài Góc

ARG100

100 mm

Công Tắc Trượt



* Thiết kế tay cầm 33.6mm.



ACG11

100 mm



* Thiết kế máy nhỏ gọn dễ dàng thao tác khi sử dụng.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Đĩa (mm)	Công tắc	Tốc độ không tải (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
ARG110	350	100	Trượt	10,000	1.4	312 x 117 x 104
ACG11	210	100	Trượt	7,000	0.97	214 x 118 x 84

Máy Mài Góc

AG185

Đĩa
180 mm

Công tắc bóp

- * Công suất 2,500W.
- * Có tích hợp bộ lọc bụi.



AG182

Đĩa
180 mm

Công tắc bóp

- * Công suất 2,200W.
- * Có tích hợp bộ lọc bụi.



AG235

230 mm

Công tắc bóp

- * Công suất 2,500W.
- * Có tích hợp bộ lọc bụi.



AG232

230 mm

Công tắc bóp

- * Công suất 2,200W.
- * Có tích hợp bộ lọc bụi.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Đĩa (mm)	Công tắc	Tốc độ không tải (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AG185	2,500	180	Bóp	8,500	4.8	481 x 106 x 132
AG182	2,200	180	Bóp	8,500	4.5	481 x 106 x 132
AG235	2,500	230	Bóp	6,600	4.9	481 x 106 x 132
AG232	2,200	230	Bóp	6,600	4.6	481 x 106 x 132

Máy Mài Thẳng

AG605

Đường kính trục
6 mm

Công tắc trượt



- * Thiết kế nhỏ gọn dễ dàng thao tác và sử dụng.
- * Có tích hợp bộ lọc bụi.



Kích thước bộ lọc 0.16mm giúp nâng cao tuổi thọ máy.

AG600C

Đường kính trục
6 mm

Công tắc trượt



- * Thiết kế nhỏ gọn dễ dàng thao tác và sử dụng.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Đường kính trục (mm)	Công tắc	Tốc độ không tải (min^{-1})	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AG605	450	6*	Trượt	33,000	1.5	356 x 73 x 73
AG600C	500	6*	Trượt	30,000	1.6	365 x 77 x 77

Máy Mài Hai Đá

BG-800
200 mm **370W**

HBG-6E
150 mm **250W**


Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Đĩa mài (mm)	Tốc độ không tải (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Chiều dài (mm)
BG-800	370	200	2,850 (50Hz) 3,450 (60Hz)	15	420
HBG-6E	250	150	2,850 (50Hz) 3,450 (60Hz)	9	380

Máy Cắt Gạch

AC126C
110 mm **1,400W**


- Công suất 1,400W
- Thân máy nhỏ gọn.


C-1250
125 mm **1,400W**


- Công suất 1,400W
- Thân máy nhỏ gọn.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Đĩa cắt (mm)	Đường kính cắt (mm)	Tốc độ không tải (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AC126C	1,400	110	34	13,000	2.9	210 x 210 x 180
C-1250	1,400	125	39	13,800	3.2	-

Máy Cắt Sắt

AC3561
355 mm **2,300W**


- Công suất 2,300W.
- Dễ dàng điều chỉnh góc cắt chính xác.


C-3552
355 mm **2,300W**


- Công suất 2,300W.
- Dễ dàng điều chỉnh góc cắt chính xác.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Đĩa cắt (mm)	Đường kính cắt (mm)	Tốc độ không tải (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AC3561	2,300	355	120 (sắt tròn)	3,600	17	586 x 290 x 658
C-3552	2,300	355	130 (sắt tròn)	4,300	17	-

Máy Cưa Đĩa



AW1710

Đường kính đĩa
165 mm 1,100W

- * Độ sâu cắt tối đa 57mm.
- * Công suất 1,100W.
- * Dễ dàng thao tác.



AW1910

Đường kính đĩa
190 mm 1,100W

- * Độ sâu cắt tối đa 68mm.
- * Công suất 1,100W.
- * Dễ dàng thao tác.



AW2400

Đường kính đĩa
235 mm 2,400W

- * Độ sâu cắt tối đa 85mm.
- * Công suất 2,400W.
- * Dễ dàng thao tác.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Đĩa cắt (mm)	Chiều sâu cắt (mm)	Tốc độ không tải (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AW1710	1,100	165	57	5,000	3.2	264 x 220 x 229
AW1910	1,100	190	68	5,000	3.4	293 x 220 x 244
AW2400	2,400	235	85	3,600	6.6	390 x 268 x 278

Máy Cưa Lọng

AJ6500V

65 mm 400W



- Hoạt động với 4 chế độ cắt khác nhau.



AJ6500VL

65 mm 400W



- Hoạt động với 4 chế độ cắt khác nhau.
- Thay lưỡi nhanh.



J-760V

76 mm 650W



- Chiều sâu cắt 76mm.
- Công suất 650W.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Chiều sâu cắt tối đa (mm)	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AJ6500V	400	65 (Gỗ) 6 (Sắt)	0 - 3,000	1.7	205 x 67 x 173
AJ6500VDL	400	65 (Gỗ) 6 (Sắt)	0 - 3,000	1.8	205 x 67 x 173
J-760V	650	76 (Gỗ) 6 (Sắt)	800 - 3,000	1.8	-

Máy Cưa Kiếm

ARJK110

220W



- Thiết kế có thể thao tác bằng 1 tay.
- Sử dụng đa dạng các loại lưỡi cắt.



Chỉ tiếng Nhật



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Chiều dài lưỡi cắt (mm)	Tốc độ cắt (min ⁻¹)	Chiều sâu (mm)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
ARJK110	220	10	0 - 5,000	Ống PCV 120 Gỗ 55 Sắt 3.5	1.4	337 x 71 x 112

Máy Phay



ATR50A

Đường kính trục
6 mm

500W

- * Tốc độ vòng quay cao.
- * Thân máy nhỏ gọn dễ dàng thao tác.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Cốt (mm)	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
ATR50A	500	6*	33,000	1.3	103 x 90 x 189

Máy Bào Gỗ



AHL83

Chiều sâu bào
Tối Đa 1 mm

550W

- * Chiều sâu bào tối đa 1mm.
- * Có thể điều chỉnh độ sâu bào từ 0.1mm đến 1mm (Theo từng nấc)



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Chiều rộng bào (mm)	Chiều sâu bào (mm)	Rabbeting (mm)	Tốc độ vòng quay (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AHL83	550	82	0-1	11.5	16,000	2.3	309 x 164 x 163.5

Máy chà nhám Rung



AS550

1/6"

- * Kích thước nhám 1/6" dành cho chà nhám chi tiết nhỏ.
- * Thiết kế nhỏ gọn, tiện dụng, và trọng lượng nhẹ giúp vận hành dễ dàng.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Kích thước giấy nhám (mm)	Đường kính rung (mm)	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AS550	170	75 x 140 (1/6")	1.4	12,000	0.9	132 x 74 x 128

Máy chà nhám Chữ Nhật

AS350

1/3"


- Dễ dàng thay giấy nhám.
- Thiết kế tay cầm thoải mái cho người dùng.



AS1000E

1/3"


- Có khả năng điều chỉnh tốc độ.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Kích thước giấy nhám (mm)	Đường kính rung (mm)	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AS350	190	93 x 228 (1/3")	2.0	11,000	1.3	243 x 93 x 154
AS1000E	210	93 x 228 (1/3")	4.0	5,500	2.4	280 x 93 x 179

Máy chà nhám Bềng



ABE4240

**Kích thước đai chà nhám
100 x 610mm**

- * Có khả năng điều chỉnh tốc độ.
- * Đi kèm túi đựng bụi.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Kích thước đai nhám (mm)	Tốc độ quay (m / min)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
ABE4240	1,150	100 x 610	230 - 400	5.1	387 x 170 x 173

Máy Đánh Bóng



Công nghệ độc quyền từ Kyocera

Dây có thể tháo rời

Theo nghiên cứu thị trường với số lượng máy sử dụng của một xưởng sẽ từ 2 máy trở lên, cho nên việc dây điện nằm rải rác sẽ gây nguy hiểm cho người lao động.

Vì vậy, Kyocera thiết kế máy đánh bóng có thể tháo rời dây điện. Chỉ với một dây điện bạn có thể sử dụng cho nhiều máy. Máy còn có chức năng chống khởi động lại để đảm bảo an toàn.

* RPE202, RPEG132, RPED134



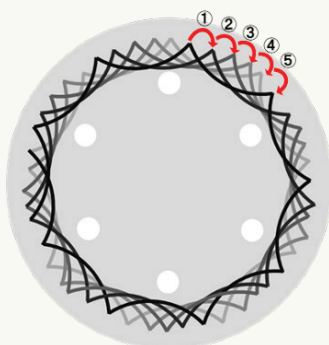
Chỉ tiếng Nhật



Cơ chế hoạt động lệch tâm

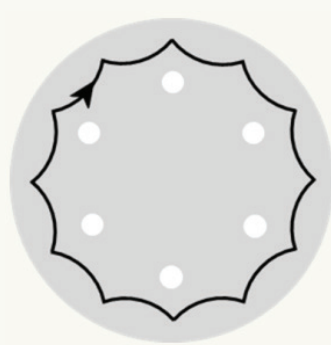
KYOCERA

Thay đổi quỹ đạo mỗi vòng quay



Thông thường

Quỹ đạo theo một vòng



Máy Đánh Bóng

Làm thế nào để chọn đúng loại máy đánh bóng?

Lựa chọn theo vết xước

Loại vết xước	Vết xước sâu	Xước xoáy	Vết xước nhỏ
Quỹ đạo chuyển động thích hợp với các ứng dụng			
Quay tròn	★★ ★ Loại bỏ nhanh chóng nhờ công suất cao	★ ★	★
Lệch tâm	★ ★ Di chuyển chậm hơn chuyển động xoay tròn	★ ★ ★ Đánh bóng phù hợp với vết xước mỏng	★ ★ Chỉ thích hợp đánh bóng màu sơn sáng
Xoắn tròn	★ Không phù hợp sử dụng	★ ★ Có thể sử dụng nhưng tốc độ đánh bóng chậm hơn	★ ★ ★ Hoàn thiện tốt với các loại sơn khác nhau

Lựa chọn kiểu dáng đánh bóng

Thẳng	Ngang
* Kích thước nhỏ gọn, trọng lượng nhẹ nên dễ dàng xử lý, đặc biệt khi đánh bóng trên bề mặt ô tô.	* Thân dài phù hợp cho việc đánh bóng khu vực rộng như mũi xe và trần xe dễ dàng hơn.

Máy Đánh Bóng (Dây điện có thể tháo rời)



Japanese model

RPE202

Single Action

1,100W

- * Công suất 1,100 W.
- * Tốc độ vòng quay không thay đổi kể cả khi chịu tải.
- * Độ rung thấp.



Japanese model

RPEG132

Gear Action

1,100W

- * Tốc độ vòng quay ổn định kể cả khi có tải.
- * Độ rung thấp.



Japanese model

RPED134

Dual Action

850W

- * Tốc độ vòng quay ổn định kể cả khi có tải.
- * Độ rung thấp.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Loại chuyển động	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Đường kính Pad. (mm)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
RPE202	1,100	Single Action	600 - 2,000	-	2.0	194 x 87 x 251
RPEG132	1,100	Gear Action	200 - 660	125	2.2	212 x 125 x 295
RPED134	850	Dual Action	2,000 - 4,500	125	2.5	221 x 125 x 298

Máy Đánh Bóng

APE201

Single Action

1,100W



- Công suất 1,100W.
- Tốc độ vòng quay ổn định kể cả khi có tải.
- Độ rung thấp.



APE2100

Single Action

950W



- Tốc độ vòng quay ổn định kể cả khi có tải.
- Động cơ mo-men xoắn cao.



APEG131

Gear Action

1,100W



- Tốc độ vòng quay ổn định kể cả khi có tải.
- Độ rung thấp.



ARSE1250

Dual Action

300W



- Có khả năng điều chỉnh tốc độ
- Đường kính quỹ đạo 2.5 mm



APED130KT

Dual Action

300W



- Bộ máy đánh bóng ARSE1250 với dây 5m, hoá chất đánh bóng, miếng pad và phụ kiện khác.
- Đường kính quỹ đạo 2.5 mm



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Loại chuyển động	Tốc độ vòng quay (min ⁻¹)	Đường kính Pad (mm)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
APE201	1,100	Single Action	600-2,000	-	2.0	194 x 87 x 236
APE2100	950	Single Action	650-2,000	-	2.4	235 x 100 x 235
APEG131	1,100	Gear Action	200 - 660	125	2.2	212 x 125 x 280
ARSE1250	300	Dual Action	6,000-12,000	123	1.5	226 x 123 x 151
APED130KT						

Máy Đánh Bóng



APE181G

Single Action

1,200W

- * Công suất 1,200W.
- * Tích hợp lưới lọc bụi.
- * Đánh bóng ổn định nhờ trọng tâm cân bằng.



APEG151G

Gear Action

1,010W

- * Tích hợp lưới lọc bụi.
- * Đánh bóng ổn định nhờ trọng tâm cân bằng.



APED151G

Dual Action

1,010W

- * Tích hợp lưới lọc bụi.
- * Đánh bóng ổn định nhờ trọng tâm cân bằng.



Thông số kỹ thuật

*

Các thông số kỹ thuật sẽ thay đổi khi điện áp cao.

Dòng máy	Công suất (W)	Dạng chuyển động	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Đường kính pad. (mm)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
APE181G	1,200	Single Action	800- 3,000	-	2.5	469 x 80 x 130
APEG151G	1,010	Gear Action	200- 660	125	2.6	469 x 125 x 132
APED151G	1,010	Dual Action	1,600 - 5,400	123	2.9	469 x 125 x 137

Máy Thổi Hơi Nóng



AHG2000K

450 / 600°C

- * 2 chế độ nhiệt độ cho công việc khác nhau.
- * Kèm hộp nhựa và 4 phụ kiện.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Nhiệt độ (°C)	Lưu lượng khí (L/min)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AHG2000K	2,000	450 / 600	300 / 500	0.8	230 x 85 x 185

Máy Thổi Bụi



ABL3500V

Lưu lượng khí
1.7 - 3.5 m³/min

- * Dễ dàng thay đổi tốc độ khi sử dụng.
- * Thiết kế nhỏ gọn.



ABL3500

Lưu lượng khí
3.5 m³/min

- * Thiết kế nhỏ gọn.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Lưu lượng khí (m³/min)	Tốc độ khí (m/s)	Tốc độ quay (min⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
ABL3500V	630	1.7 - 3.5	12.7 - 26.2	8,000 - 16,000	1.7	447 x 167 x 198
ABL3500		3.5	26.2	16,000		

Vận hành an toàn nhANH chóng



AWI162

Max. 60 kg

550W

* Tời loại 60kg nhỏ gọn và nhẹ.



Chỉ tiếng Nhật

Cơ chế chống xoắn

Tốc độ ổn định

Hệ thống phanh đôi



AWI125B

Max. 130 kg

1,100W

* Tời loại 130kg nhỏ gọn và công suất cao.

* Móc khoá an toàn.

(Móc sẽ khoá khi phát hiện có tải)

Cơ chế chống xoắn

Tốc độ ổn định

Hệ thống phanh đôi



AWI195B

Max. 200kg

1,100W

* Tời loại 200kg công suất lớn.

* Móc khoá an toàn.

(Móc sẽ khoá khi phát hiện có tải)

Cơ chế chống xoắn

Tốc độ ổn định

Hệ thống phanh đôi

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Tải trọng (kg)	Tốc độ nâng (Max load, cm/s)	Chiều cao nâng (m)	Loại dây		Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
					Chiều dài (m)	Đường kính (mm)		
AWI162	550	60	46	20	21	4	9.7	205 x 250 x 360
AWI125B	1,100	130	38	30	31	4	12.3	202 x 230 x 350
AWI195B	1,100	200	24	29	30	5	19	213 x 231 x 496

Máy Đo Khoảng Cách (Laser)

LDM-610

60 m
LR03


- * Trang bị cảm biến nghiêng.
- * Có thể lựa chọn 8 chế độ.

LDM-410

40 m
3.7 V


- * Thao tác dạng một nút bấm.
- * Bánh xe tích hợp để đo bề mặt cong.

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Khoảng cách đo (m)	Dung sai (mm)	Nhiệt độ (°C)	Laser	Pin	Trọng lượng (g)	Kích thước (mm)
LDM-610	0.2 - 60	± 2	0 - 40	630 - 670 nm, < 1 mW (Class 2)	2 x 1.5V LR03 (AAA)	150 (với 2 pin)	120 x 55 x 28
LDM-410	0.2 - 40	± 3	0 - 40	630 - 670 nm, < 1 mW (Class 2)	Li-Ion 3.7V, 380mAh (Tích hợp)	63	100 x 37 x 24

Máy Phun Sơn

PS-1000

Bình đựng sơn 1,000 mL


- * Hoàn thiện nhanh và mịn bằng công nghệ phun HVLP.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Áp suất phun (bar)	Thể tích chứa (mL)	Thể tích khí (mL/min)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
PS-1000	500	0.1 - 0.2	1,000	1,000	2.9	280 x 200 x 290

Máy Hút Bụi

Dòng máy hút bụi KYOCERA



AVC51

Lực hút **80W** Công suất **1,050W**

KHÔ 5L
ƯỚT 5L



- Thân máy nhỏ gọn cất giữ thuận tiện.
- Ron cao su giúp máy đạt hiệu suất làm việc cao.



AVC1100

Lực hút **160W** Công suất **1,050W**

KHÔ 15L
ƯỚT 12L



- Thân máy nhỏ gọn cất giữ thuận tiện.
- Ron cao su giúp máy đạt hiệu suất làm việc cao.



AVC1150

Lực hút **280W** Công suất **1,150W**

KHÔ 15L
ƯỚT 12L



- Lực hút mạnh mẽ.
- Ron cao su giúp máy đạt hiệu suất làm việc cao.



AVC1150ST

Lực hút **280W** Công suất **1,150W**

KHÔ 13L
ƯỚT 10L



- Thùng chứa Inox.
- Lực hút mạnh mẽ.
- Ron cao su giúp máy đạt hiệu suất làm việc cao.

STAINLESS TANK



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Lực hút (W)	Lưu lượng khí (m³/ min)	Áp suất lớn nhất (kPa)	Thùng chứa (L)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AVC51	1,050	80	1.2	16	Khô 5 Ướt 5	4.0	350 x 285 x 370
AVC1100	1,050	160	2.5	16	Khô 15 Ướt 12	5.5	345 x 350 x 435
AVC1150	1,150	280	3.0	25	Khô 15 Ướt 12	6.5	345 x 350 x 435
AVC1150ST	1,150	280	3.0	25	Khô 13 Ướt 10	8.4	420 x 420 x 460

Máy Hút Bụi

AVC1200

Lực hút **160W**

Công suất **1,050W**

KHÔ 21L
ƯỚT 18L



- Thân máy nhỏ gọn cất giữ thuận tiện.
- Ron cao su giúp máy đạt hiệu suất làm việc cao.



AVC1250

Lực hút **280W**

Công suất **1,150W**

KHÔ 21L
ƯỚT 18L



- Lực hút mạnh mẽ.
- Ron cao su giúp máy đạt hiệu suất làm việc cao.



AVC1250ST

Lực hút **280W**

Công suất **1,150W**

KHÔ 23L
ƯỚT 20L



- Thùng chứa bằng Inox.
- Lực hút mạnh mẽ.
- Ron cao su giúp máy đạt hiệu suất làm việc cao.

STAINLESS TANK



AVC125RS

Lực hút **280W**

Công suất **1,150W**

KHÔ 12L
ƯỚT 9L



- Lực hút mạnh mẽ.
- Ron cao su giúp máy đạt hiệu suất làm việc cao.

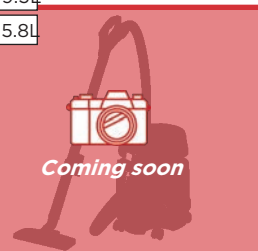


AVC100W

Lực hút **-W**

Công suất **1,150W**

KHÔ 9.5L
ƯỚT 5.8L



- Trang bị ổ cắm nổi trong.
- Lực hút mạnh mẽ.

INTERLOCK OUTLET



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Lực hút (W)	Lưu lượng khí (m³ / min)	Áp suất lớn nhất (kPa)	Thùng chứa (L)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AVC1200	1,050	160	2.5	16	Khô 21 Ướt 18	6.0	345 x 350 x 505
AVC1250	1,150	280	3.0	25	Khô 21 Ướt 18	7.0	345 x 350 x 505
AVC1250ST	1,150	280	3.0	25	Khô 23 Ướt 20	9.0	420 x 420 x 580
AVC125RS	1,150	280	3.0	25.3	Khô 12 Ướt 9	6.6	358 x 332 x 430
AVC100W	1,150	-	3.0	25.3	Khô 9.5 Ướt 5.8	7.3	360 x 350 x 390

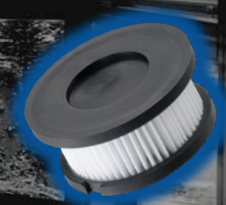
Máy Hút Bụi 18V

Mạnh mẽ và Lọc khí sạch

Tháo gỡ và rửa sạch dễ dàng
Cyclone lọc bụi



Hút hầu hết bụi mịn
Lõi HEPA



Độ ồn
67 dB
(Chế độ cao)

Lực hút
Max.
100W



Black

White

DHC181

Lực hút
Max. **100W**

18V

- * Lực hút mạnh mẽ
- * Bộ lọc HEPA giữ cho khí thải luôn sạch sẽ.

Phụ kiện



Chỉ tiếng Nhật



Theo nghiên cứu của chúng tôi tháng Năm 2022.

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Lực hút (W)	Thời gian hoạt động (min)	Túi rác (L)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
DHC181	Cao 100 Trung 50 Thấp 35	Cao 20 Trung 35 Thấp 45	Túi bụi 0.5 Túi giấy 0.33	1.6 (Máy với pin 5.0Ah)	970 x 121 x 188

Sạc và Pin công nghệ Lithium-ion

Công Nghệ Lithium-ion



Thời gian sạc	DB3625L 36V: 2.5Ah 18V: 5.0Ah	B-1850LA 18V 5.0Ah	B-1815LA 18V 1.5Ah
BC-1800L	37 phút		24 phút
UBC1804L	54 phút		21 phút
UBC-1802L	84 phút		25 phút

Máy Phun Xịt Rửa



TẠI SAO NÊN CHỌN KYOCERA

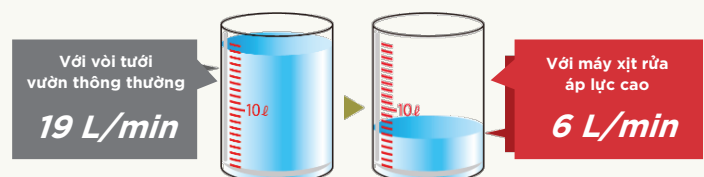
Chất lượng Nhật Bản

Khách hàng chính của chúng tôi ở thị trường Nhật Bản yêu cầu chất lượng sản phẩm cao như vận hành êm không ồn, dễ cất giữ và gọn nhẹ. Là nhà sản xuất đến từ Nhật Bản, chúng tôi tự tin ở tính tiện dụng của sản phẩm có thể đáp ứng tất cả nhu cầu của khách hàng.



Tiết kiệm nước

Máy xịt rửa áp lực cao có thể tiết kiệm nước đến **70%** so với vòi tưới vườn thông thường.



Khả năng tự hút nước

Một số sản phẩm của Kyocera có trang bị tính năng tự hút nước



Video giới thiệu
Chỉ tiếng Nhật



Máy Phun Xịt Rửa (Dòng động cơ từ)



AJP- 2200GQ

Cao cấp

1,400W

- * Hoạt động êm ái hơn, hạn chế tiếng ồn
- * Khả năng tự hút nước
- * Ống dây được thiết kế tích hợp bên trong máy.

Động cơ từ làm mát bằng nước



Japanese model
Former brand ver.



AJP - 2050

Cao cấp

1,200W

- * Hoạt động êm ái hơn, hạn chế tiếng ồn
- * Khả năng tự hút nước
- * Thiết kế hình vuông nhỏ gọn dễ dàng cất giữ.

Động cơ từ làm mát bằng nước



Chỉ tiếng Nhật
Former brand ver.



AJP- 2010

Cao cấp

2,000W

- * Tuổi thọ và độ bền cao nhờ động cơ từ hiệu suất cao.
- * Tích hợp bình chứa xà phòng.

Thông số kỹ thuật

* Thông số kỹ thuật sẽ được thay đổi khi thiết lập các mẫu điện áp cao.

Dòng máy	Công suất (W)	Động cơ	Áp suất định mức (MPa)	Lượng nước (L/min)	Nhiệt độ định mức (°C)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AJP-2200GQ	1,400	Động cơ từ làm mát bằng nước	Tối đa. 12.0 Định mức. 8.0	Tối đa. 6.5 Định mức. 5.0	40	17.8 (bao gồm 15m vòi nước)	368 x 367 x 591 (923)
AJP-2050	1,200 (100V*)	Động cơ từ làm mát bằng nước	Tối đa. 11.0 Định mức. 7.5	Tối đa. 6.5 Định mức. 6.0	40	12.2	395 x 249 x 282 (352)
AJP2010	2,000	Động cơ từ	Tối đa. 15.0 Định mức. 11.0	Tối đa. 8.0 Định mức. 6.7	40	20.0	410 x 340 x 730 (894)

Máy Phun Xịt Rửa

Dòng cao cấp

Dòng Máy Phun Xịt Rửa KYOCERA



Dòng máy động cơ tử



Dòng trung



Dòng DIY



AJP-1700VGQ

Cao

1,450W



- Tích hợp khả năng tự hút nước
- Tích hợp khả năng điều chỉnh áp lực
- Tay cầm có thể gấp lại.



Chỉ tiếng Nhật
Former brand ver.

AJP-1700V

Cao

1,450W



- Tích hợp khả năng điều chỉnh áp lực
- Tay cầm có thể gấp lại.



Chỉ tiếng Nhật
Former brand ver.

AJP-2030

Trung

1,800W

- Thiết kế nhỏ gọn



Chỉ tiếng Nhật



Quiet model

Phụ kiện tự hút nước



Video giới thiệu
bằng tiếng Nhật

Áp dụng cho

*AJP-2200GQ, AJP-2050, AJP-1700VGQ

Lắp ráp chỉ 1 chạm



Kết nối chỉ một chạm.

*AJP-2030, AJP-1630,
AJP-1430, AJP-1100.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Áp suất định mức (MPa)	Lượng nước (L/min)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AJP-1700VGQ	1,700	Tối đa. 12.0 Định mức. 3.0-8.0	Tối đa. 6.7 Định mức. 3.5-6.0	8.4	304 x 318 x 668
AJP-1700V	1,700	Tối đa. 12.0 Định mức. 3.0-8.0	Tối đa. 6.7 Định mức. 3.5-6.0	8.3	304 x 318 x 668
AJP-2030	1,800	Tối đa. 14.0 Định mức. 9.5	Tối đa. 6.2 Định mức. 5.1	4.5	361 x 237 x 282

Máy Phun Xịt Rửa

Mạnh mẽ, nhỏ gọn Chắc chắn

KYOCERA
High-Pressure Washer
AJP-1610



AJP-1610

Trung

1,800W

- * Công suất 1,800W
- * Dễ dàng di chuyển
- * Tích hợp bình chứa xà phòng.



AJP-1630

Trung

1,800W

- * Công suất 1,800W
- * Dễ dàng di chuyển



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Áp suất định mức (MPa)	Lượng nước (L/min)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AJP-1610	1,800	Tối đa. 14.0 Định mức. 10.0	Tối đa. 8.0 Định mức. 6.67	7.5	256 x 333 x 800
AJP-1630	1,800	Tối đa. 14.0 Định mức. 9.5	Tối đa. 6.2 Định mức. 5.1	6.0	298 x 367 x 787

Máy Phun Xịt Rửa

AJP-1620

Trung

1,900W



- Công suất 1,900W
- Dễ dàng di chuyển



Chỉ tiếng Nhật
Former brand ver.

AJP-1600

Trung

1,700W



- Dễ dàng di chuyển

AJP-1430

Trung

1,600W



- Thiết kế nhỏ gọn
- Trọng lượng 3.8kg.



Siêu nhẹ

Nhỏ gọn & Mạnh mẽ



Dễ dàng mang theo

3.8 kg



Công suất cao
với thiết kế nhỏ gọn.

Tối đa. 13 MPa

AJP-1420

Trung

1,900W



- Thiết kế nhỏ gọn



Chỉ tiếng Nhật
Former brand ver.

AJP-1410

Trung

1,800W



- Thiết kế nhỏ gọn
- Dễ dàng di chuyển

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Áp suất định mức (MPa)	Lượng nước (L/min)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AJP-1620	1,900	Tối đa. 13.0 Định mức. 8.7	Tối đa. 7.2 Định mức. 6.0	8.2	337 x 281 x 585 (781)
AJP-1600	1,700	Tối đa. 15.0 Định mức. 11.0	Tối đa. 8.0 Định mức. 6.67	7.5	260 x 360 x 830
AJP-1430	1,600	Tối đa. 13.0 Định mức. 8.0	Tối đa. 6.2 Định mức. 5.1	3.8	241 x 304 x 413
AJP-1420	1,900	Tối đa. 13.0 Định mức. 8.7	Tối đa. 7.2 Định mức. 6.0	6.6	301 x 249 x 551
AJP-1410	1,800	Tối đa. 4.0 Định mức. 10.0	Tối đa. 6.5 Định mức. 5.6	6.2	268 x 261 x 525

Máy Phun Xịt Rửa



AJP-1310

DIY

1,400W



- * Dễ dàng di chuyển
- * Hạn chế rò rỉ khi sử dụng



Chỉ tiếng Nhật
Former brand ver.

AJP-1210

DIY

1,400W



- * Dễ dàng di chuyển



Chỉ tiếng Nhật
Former brand ver.



AJP-1100

DIY

1,400W

- * Thiết kế nhỏ gọn, dễ dàng di chuyển



AJP-800

DIY

800W



- * Thiết kế nhỏ gọn, dễ dàng di chuyển
- * Kích thước nhỏ gọn để cất giữ.

AJP-55

DIY

1,400W



- * Thiết kế nhỏ gọn, dễ dàng di chuyển

Thông số kỹ thuật

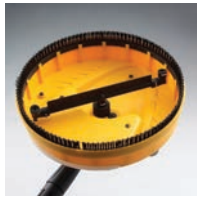
Dòng máy	Công suất (W)	Áp suất định mức (MPa)	Lượng nước (L/min)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AJP-1310	1,400	Tối đa. 10.5 Định mức. 7.0	Tối đa. 7.2 Định mức. 6.0	6.2	221 x 387 x 404
AJP-1210	1,400	Tối đa. 10.5 Định mức. 7.0	Tối đa. 7.2 Định mức. 6.0	5.2	180 x 374 x 411
AJP-1100	1,400	Tối đa. 10.0 Định mức. 7.0	Tối đa. 6.5 Định mức. 5.5	4.5	240 x 320 x 480
AJP-800	800	Tối đa. 9.0 Định mức. 6.5	Tối đa. 5.7 Định mức. 4.8	3.8	378 x 197 x 305
AJP-55	1400	Tối đa. 10.0 Định mức. 7.0	Tối đa. 6.5 Định mức. 5.5	3.7	198 x 214 x 452

Phụ Kiện Máy Phun Xịt Rửa

Bàn chà xoay



Chỉ tiếng Nhật



Bàn chà xoay nhỏ



Chỉ tiếng Nhật



Đầu chà sàn



Chỉ tiếng Nhật



Bàn chà xoáy



Chỉ tiếng Nhật



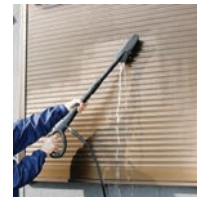
Bàn chải xoay



Chỉ tiếng Nhật



Bàn chải thẳng



Chỉ tiếng Nhật



Bàn chải ngang



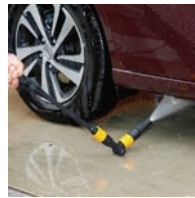
Chỉ tiếng Nhật



Đầu chuyển



Chỉ tiếng Nhật



Đầu phun 90



Chỉ tiếng Nhật



Bình xà phòng



Chỉ tiếng Nhật



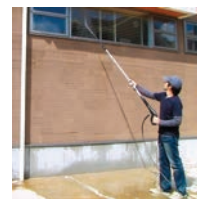
Bình phun bột tuyết



Chỉ tiếng Nhật



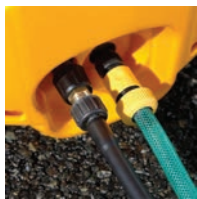
Cây nối



Chỉ tiếng Nhật



Phụ Kiện Máy Phun Xịt Rửa

Khớp nối chống xoắn   Chỉ tiếng Nhật 	Dây áp lực 10m   Chỉ tiếng Nhật 	Dây áp lực 8m   Chỉ tiếng Nhật 
Dây áp lực (lắp ráp 1 chạm)   Chỉ tiếng Nhật 	Dây vệ sinh đường ống 7.5m   Chỉ tiếng Nhật 	Dây vệ sinh đường ống không gỉ 10m   Chỉ tiếng Nhật 
Bộ làm sạch c ống 10m/15m   Chỉ tiếng Nhật 	Phụ kiện hút nước  	Phụ kiện hút nước   Chỉ tiếng Nhật 



Máy Phun Xịt Rửa 18V

Xịt rửa mọi lúc mọi nơi



BPW-1800

Áp suất định mức
2.4 / 1.4MPa

18V



- * Đầu phun 5 trong 1 cho phép thay đổi góc xịt và áp lực dễ dàng.
- * Nắp pin bảo vệ pin khỏi bị bắn nước.



Chỉ tiếng Nhật



Chế độ tự hút nước



Đầu phun 5 trong 1



Nắp pin

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Áp suất định mức (MPa)	Lượng nước (L/min)	Độ dài vòi nước (m)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
BPW-1800	Cao 2.4 Thấp 1.4	Cao 1.8 Thấp 1.4	5.0	1.8 (với pin 1.5Ah)	558 (960) x 93 x 237

Cưa Xích 18V

Nhỏ Gọn và Mạnh Mẽ Cưa Xích 18V



DCS1836 / BCS-1836

Chiều dài lưỡi cưa
350 mm

18V

- * Công suất cao tương đương dòng động cơ xăng 30mL.
- * Mẫu máy nhẹ nhất trong dòng máy cưa xích 18V.
- * Nắp bảo vệ pin giúp bảo vệ pin khi mưa.
- * Dễ dàng điều chỉnh độ căng xích không cần dụng cụ.



Thêm sự lựa chọn màu đỏ
(Dòng máy : DCS1836)



BCS-1830

Chiều dài lưỡi cưa
290 mm

18V

- * Công suất cao tương đương dòng động cơ xăng 30mL.
- * Mẫu máy nhẹ nhất trong dòng máy cưa xích 18V.
- * Nắp bảo vệ pin giúp bảo vệ pin khi mưa.
- * Dễ dàng điều chỉnh độ căng xích không cần dụng cụ.



Chỉ tiếng Nhật



BCS-1800

250 mm

18V

- * Thân máy nhỏ gọn.
- * Dễ dàng điều chỉnh độ căng xích.
- * Trọng lượng nhỏ gọn.



Chỉ tiếng Nhật



BPCS-1800

150 mm

18V

- * Trọng lượng phần đầu nhẹ dễ dàng thao tác làm việc trên cao.



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Chiều dài lưỡi cưa (mm)	Tốc độ cưa (m/s)	Loại xích	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
BCS-1836/ DCS1836	350	10	90PX52E	3.7 (với pin 5.0Ah)	778 x 227 x 224
BCS-1830	290	10	90PX45E	3.6 (với pin 5.0Ah)	715 x 227 x 224
BCS-1800	250	3.5	90PX40E	2.3 (với pin 1.5Ah)	517 x 207 x 182
BPCS-1800	150	3.8	90PX28E	2.8 (với pin 1.5Ah)	1619 - 2454 x 114 x 134

Máy Tỉa Cành 18V

BHT-1803
300 mm **18V**

- Thiết kế chống rung.


BHT-1800
360 mm **18V**

- Thiết kế chống rung.


BPHT-1800
260 mm **18V**

- Thiết kế chống rung.



Chỉ tiếng Nhật

BHL-1800
300 mm **18V**

- Thiết kế chống rung.



Chỉ tiếng Nhật

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Chiều dài lưỡi dao (mm)	Bề rộng lưỡi dao (mm)	Khoảng cách răng dao (mm)	Loại lưỡi dao	Tốc độ răng dao (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
BHT-1803	300	15	15	Tiêu chuẩn	1,800	2.2 (với pin 1.5Ah)	624 x 180 x 171
BHT-1800	360	15	15	Cao cấp	1,800	2.0 (với pin 1.5Ah)	680 x 180 x 171
BPHT-1800	260	10	10	Tiêu chuẩn	1,800	2.2 (với pin 1.5Ah)	1,635 - 2,215 x 78 x 173
BHL-1800	300	15	15	Cao cấp	1,900	2.6 (với pin 1.5Ah)	1,285 x 128 x 112

Máy Làm Cỏ 18V

BB-1800
160mm **18V**


Chỉ tiếng Nhật


BPB-1800
160 mm **18V**


Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Bề rộng lưỡi dao (mm)	Tốc độ răng dao (min ⁻¹)	Thời gian hoạt động (min)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
BB-1800	160	1,250	60	1.2 (với pin 1.5Ah)	358 x 162 x 135
BPB-1800	160	1,250	60	2.4 (với pin 1.5Ah)	1,130 x 178 x 958

Máy Cắt Cỏ 18V



BK-2350

18V

* Động cơ nhỏ gọn tiện lợi khi sử dụng.



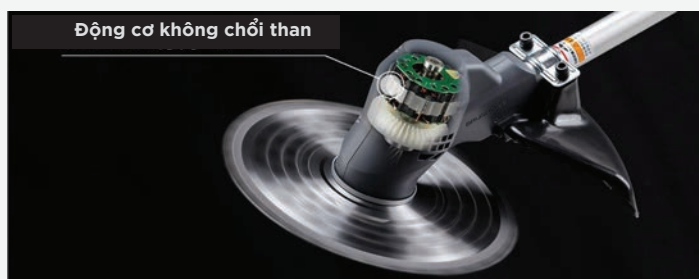
Chỉ tiếng Nhật



Chỉ tiếng Nhật



Safety Switch



Động cơ không chổi than



3 tốc độ

BK-1802

Lưỡi nhựa

18V



Safety Switch

- * Lưỡi dao bằng nhựa đảm bảo an toàn khi va phải vật cứng.
- * Tăng chỉnh chiều dài 300mm giúp làm việc hiệu quả.

BK-1801

Lưỡi Kim Loại/ Nylon

18V



Safety Switch

- * Tăng chỉnh chiều dài 300mm giúp làm việc hiệu quả.

BK-1800

Lưỡi Kim Loại/ Nylon

18V



Safety Switch

- * Có thể tăng chỉnh chiều dài thân máy.

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Loại lưỡi dao	Tốc độ quay (min-1)	Thời gian hoạt động (min)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
BK-2350	Răng cưa 230 mm	Cao 6,100 Trung 5,000 Thấp 3,500	5.0Ah 20 - 35 1.5Ah 6 - 9	3.3 (với pin 1.5Ah) 3.5 (với pin 5.0Ah)	1,197 - 1,497 x 191 x 322
BK-1802	Lưỡi nhựa	6,400	15	2.3 (với pin 1.5Ah)	1,197 - 1,497 x 191 x 322
BK-1801	Lưỡi kim loại 160 mm / Lưỡi nhựa Ø 2.0mm	Kim loại 6,400 Nhựa 6,000	Kim loại 60 Nhựa 50	2.6 (với pin 1.5Ah)	1,209 - 1,509 x 191 x 327
BK-1800	Lưỡi kim loại 160 mm / Lưỡi nhựa Ø 2.0mm	Kim loại 6,400 Nhựa 6,000	Kim loại 20 Nhựa 15	2.3 (với pin 1.5Ah)	1,197 - 1,497 x 191 x 322

Cưa Xích

Nhỏ Gọn và Mạnh Mẽ Cưa Xích

AN TOÀN, GỌN NHẸ VÀ DỄ SỬ DỤNG



CS-402L

400 mm

1,200 W



- * Dễ dàng điều chỉnh độ căng xích.
- * Tự bôi trơn.

CS-2240

400 mm

2,200 W



- * Động cơ 2,200W.
- * Dễ dàng điều chỉnh độ căng xích.
- * Tự bôi trơn.

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Khả năng cắt (mm)	Tốc độ xích (m/s)	Loại xích	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
CS-402L	1,200	400	8	91PX-56E	3.1	727 x 207 x 173
CS-2240	2,200	400	13.5	91PJ056X	5.1	-

Máy Cắt Cỏ

AK-3710

Lưỡi Nylon

400W



- * Lưỡi dao nhựa có tốc độ quay 11,000 min⁻¹.
- * Dễ dàng điều chỉnh chiều dài.



Mô AK-3710 cho lưỡi dao nhựa



AK-3000

Lưỡi Kim Loại / Nylon

320W



- * Lưỡi dao kim loại hoặc nhựa.



Chỉ tiếng Nhật



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Loại lưỡi dao	Tốc độ quay (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AK-3710	400	Lưỡi nhựa (Ø1.65 mm)	11,000	2.1	1281 - 1,361 x 237 x 276
AK-3000	320	Lưỡi kim loại (200 mm) / Lưỡi nhựa (Ø2.0 mm)	7,800 (Lưỡi kim loại) 7,500 (Lưỡi nhựa)	2.5	1431 x 224 x 274

Máy Cắt Cành

BSH-120

Built-in
3.6V

- * Thiết kế gọn nhẹ chuyên nghiệp.
- * Lực cắt lớn.
- * Dễ dàng thay thế lưỡi dao.



Chỉ tiếng Nhật

Safety
Switch

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Đường kính cắt tối đa	Thời gian sử dụng	Loại Pin	Thời gian sạc (min)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
BSH-120	12 mm	350 lần cắt/sạc	Li-Ion 3.6V 1.5Ah Built-in	60	0.6	300 x 52 x 98

Máy Làm Cỏ

AB-1120

110 mm



Safety
Switch

AB-1620

160 mm



Safety
Switch

PAB-1620

160 mm



Safety
Switch

Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Bề rộng lưỡi dao (mm)	Tốc độ lưỡi dao (min ⁻¹)	Chiều cao cắt (mm)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
AB-1120	80	110	1,250	10 / 15 / 20 / 25	0.8	303 x 117 x 129
AB-1620	80	160	1,250	10 / 15 / 20 / 25	0.9	308 x 162 x 129
PAB-1620	80	160	1,250	10/ 15 / 20 / 25	1.4	1032 x 178 x 938

Máy Tỉa Hàng Rào

Máy Tỉa Hàng Rào

Lưỡi tiêu chuẩn

Gọn & Nhẹ

3 Lưỡi cắt

3 lưỡi dao phủ Niken giúp tăng độ sắc, tránh bị rỉ sét và bám dính nhựa cây,



HT-3523



BHT-1803



BPHT-1800

Lưỡi chuyên dụng

Duy trì độ sắc lâu dài

• Rãnh kẹp lưỡi dao chắc chắn

• Lỗ trên lưỡi dao

• 3 lưỡi cắt

Ưu điểm so với lưỡi tiêu chuẩn giúp duy trì độ sắc bền lâu dài.



BHT-1800



BHL-1800

Lưỡi đặc biệt

Độ sắc bén cao nhất

• Được mài 30 độ

• Độ dày 1.7 mm

Ưu điểm so với 2 loại lưỡi dao trên mang đến trải nghiệm chuyên nghiệp nhất.



HT-4243



HT-5043

Máy Tỉa Hàng Rào



HT-3523

350W

- * Lưỡi gạt cỏ giúp dễ dàng sử dụng.
- * Lưỡi dao được phủ Niken bền bỉ.



Chỉ tiếng Nhật



HT-4243

370W

- * Trọng lượng nhẹ.
- * Lưỡi dao được phủ Niken bền bỉ.



Chỉ tiếng Nhật



HT-5043

370W

- * Trọng lượng nhẹ.
- * Lưỡi dao được phủ Niken bền bỉ.



Chỉ tiếng Nhật



Thông số kỹ thuật

Dòng máy	Công suất (W)	Chiều dài lưỡi dao (mm)	Chiều sâu rãnh dao (mm)	Độ sọc (mm)	Loại lưỡi dao	Tốc độ cắt (min ⁻¹)	Trọng lượng (kg)	Kích thước (mm)
HT-3523	180	350	15	28	Tiêu chuẩn	1,800	1.55	661 x 168 x 161
HT-4243	370	420	20	28	Cao cấp	1,950	2.1	714 x 186 x 168
HT-5043	370	500	20	28	Cao cấp	1,950	2.2	797 x 186 x 168

Áo Khoác Làm Mát

AIRCRAFT

CÁCH HOẠT ĐỘNG

Làm mát nhiệt độ cơ thể nhờ hiệu ứng bay hơi.

①

Quạt hút không khí bên ngoài vào bên trong áo



②

Luồng không khí mạnh luân chuyển dọc theo bề mặt cơ thể và làm bay hơi mồ hôi.

SO SÁNH NHIỆT ĐỘ BỀ MẶT CƠ THỂ

Ảnh nhiệt

Không mặc áo làm mát



Nhiệt độ bề mặt

30°C

(bằng nhiệt độ không khí)

Khi mặc áo làm mát



27°C

(giảm 3°C)

Giúp giảm mệt mỏi và ngăn ngừa say nắng trong thời tiết nóng.

Áo Khoác Làm Mát

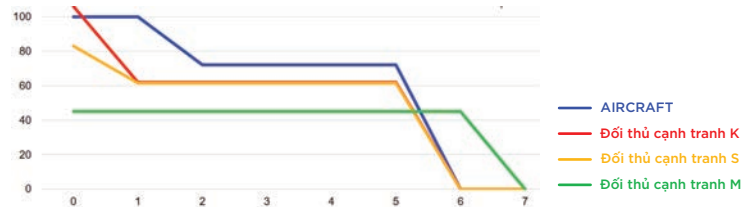
AIRCRAFT

HIỆU SUẤT LÀM MÁT VƯỢT TRỘI

- ✓ Lưu lượng gió mạnh.
- ✓ Thời gian hoạt động dài.

AIRCRAFT	Đối thủ cạnh tranh K	Đối thủ cạnh tranh S	Đối thủ cạnh tranh M

Sự thay đổi lưu lượng gió ở chế độ tối đa (Đơn vị: Lit/giây)



THIẾT KẾ MÁT MẼ VÀ HIỆU QUẢ



Bộ viển tay áo và gấu áo giúp giữ khí mát bên trong.



Luồng khí thoát ra từ cổ áo (vị trí xa quạt nhất) giúp tối đa hóa hiệu quả làm mát.



Hệ thống gắn quạt kiểu khóa vận (đã đăng ký bằng sáng chế tại Nhật Bản)
AIRCRAFT sử dụng kiểu vận chặt, tránh rơi rớt trong quá trình sử dụng.

QUẠT & PIN

	Mẫu dùng pin chuyên dụng	Mẫu dùng pin dự phòng thông thường
Điện áp	7 - 22V	5V
Lưu lượng gió	22V: 100 L/s ; 15V: 72 L/s ; 10V: 49 L/s ; 7V: 34 L/s	59 L/s
Dung lượng pin	5,000mAh	Không kèm pin (Dùng pin dự phòng có đầu ra ≥ 5V/2.1A)
Kết nối quạt & pin	Cáp chuyên dụng	USB Type A
Cáp sạc pin	Cáp chuyên dụng	Không có
Thời gian hoạt động	22V: 5 giờ ; 15V: 7.5 giờ ; 10V: 13 giờ ; 7V: 30 giờ	7.5 giờ (với pin 15,000mAh)

Áo Khoác Làm Mát



AC1154



AC1196



AC1196



AIRCRAFT

INDEX

Hệ Máy Pin Mới 18V Tiêu Chuẩn

Pin và Sạc 18V Tiêu Chuẩn		6
Hệ Máy Pin Mới 18V Tiêu Chuẩn		7
BIDX-1800	Máy Vặn Vít Động Lực	7
BPDX-1800	Máy Khoan Động Lực	7
BIWX-1800	Máy Siết Bu Lông	7
BGX-1800	Máy Mài Góc	8
BRHX-1800	Máy Khoan 3 Chức Năng	8

Hệ Máy Pin

Pin và Sạc 36V & 18V		9
Hệ Máy Pin 36V		10
DG3600 / DG3620	Máy Mài Góc	11
DG3600P / DG3620P	Máy Mài Góc	11
DCS3640	Máy Cửa Xích	12
DK3600	Máy Cắt Cỏ	12
Hệ Máy Pin 18V		13
DID11XR	Máy Vặn Vít	14
DID183	Máy Vặn Vít	14
DID10XR	Máy Vặn Vít	14
DID1806	Máy Vặn Vít	14
DIW183	Máy Siết Bu-lông	15
DPD181	Máy Khoan Búa	15
DD181	Máy Khoan	15
DRJ11XR	Máy Cửa Kiểm	16
DRJ1830	Máy Cửa Kiểm	16
DMT11XR	Máy Cắt Đa Năng	16
DNW11XR	Máy Cửa Đĩa	17
DNW180	Máy Cửa Đĩa	17
DG11XR	Máy Mài Góc	18
DG181	Máy Mài Góc	18
DG183	Máy Mài Góc	18
DG1810	Máy Mài Góc	18
DPE11XR	Máy Đánh Bóng	19
DPEG11XR	Máy Đánh Bóng	19
DPM180	Máy Trộn Sơn	20
DF180	Quạt Di Động	20
DBL180	Máy Thổi Bụi	20
DHC181	Máy Hút Bụi	21
DHAG180	Máy Thổi Nóng	21
DTP180	Máy Lát Gạch	22
DGG180	Máy Bơm Mỡ	22
DWL180	Đèn	22

Hệ Máy Pin Khác

HSD - 360L	Máy Vặn Vít	23
BDX - 2	Máy Vặn Vít	23
BD - 120C	Máy Bắn Vít	23
DTD500	Máy Vặn Vít Pin	24
DTD750	Máy Vặn Vít Pin	24

Hệ Máy Điện

Máy Khoan Búa	25	Máy Mài Góc	32
AED2630VR	25	AG185	32
AED2620VR	25	AG182	32
ED - 2600R	25	AG235	32
RH - 1440	25	AG232	32
Khoan Động Lực	26	Máy Mài Thẳng	33
APD220VR	26	AG605	33
PD - 196VR	26	AG600C	33
PD - 750K	26	Máy Mài Hai Đá	34
PD - 130VR	26	BG-800	34
PD - 550K	26	HBG-6E	34
Khoan	27	Máy Cắt Gạch	34
D-110VR	27	AC126C	34
Máy Khoan Đục Bê Tông	27	C-1250	34
ACH470	27	Máy Cắt Sắt	34
Máy Trộn Sơn	28	AC3561	34
APMT1362	28	C-3552	34
APM1011	28	Máy Cửa Đĩa	35
Máy Siết Bu-lông	28	AW1710	35
AIW2000	28	AW1910	35
Máy Mài Góc	29	AW2400	35
AG1010X	29	Máy Cửa Lọng	36
AG1160X	29	AJ6500V	36
AG1009	29	AJ6500VL	36
AG1159	29	J - 760V	36
AG1259	29	Máy Cửa Kiểm	36
AG1000	30	ARJK110	36
AG1150	30	Máy Phay	37
AG1000T	30	ATR50A	37
AG111	30	Máy Bào	37
G - 650 & AG670	31	AHL83	37
G - 1110D	31	Máy Chà Nhám Rung	38
AG670T	31	AS550	38
ARG100	31	Máy Chà Nhám Chữ Nhật	38
ACG11	31	AS350	38

INDEX

Hệ Máy Điện

AS1000E	38		
Máy Chà Nhám Bề mặt	38	Máy Thổi Hơi Nóng	44
ABE4240	38	AHG2000K	44
Máy Đánh Bóng	39	Máy Thổi	44
RPE202	41	ABL3500V	44
RPEG132	41	ABL3500	44
RPED134	41	Tời Điện	45
APE201	42	AWI62	45
APE2100	42	AWI125B	45
APEG131	42	AWI195B	45
ARSE1250	42	Máy Đo Khoảng Cách	46
APED130KT	42	LDM - 610	46
APE181G	43	LDM - 410	46
APEG151G	43	Máy Phun Sơn	46
APED151G	35	PS-1000	46

Dụng Cụ Làm Sạch

Máy Hút Bụi	47	AJP-1700V	52
AVC51	47	AJP-2030	52
AVC1100	47	AJP-1610	53
AVC1150	47	AJP-1630	53
AVC1150ST	47	AJP-1620	54
AVC1200	48	AJP-1600	54
AVC1250	48	AJP-1430	54
AVC1250ST	48	AJP-1420	54
AVC125RS	48	AJP-1410	54
AVC100W	48	AJP-1310	55
Máy Hút Bụi	49	AJP-1210	55
DHC181	49	AJP-1100	55
Máy Phun Xịt Rửa	50	AJP-800	55
AJP-2200GQ	51	AJP-55	55
AJP-2050	51	Phụ Kiện	56
AJP-2010	51	Máy Phun Xịt Rửa Pin	58
AJP-1700VGQ	52	BPW-1800	58

Dụng Cụ Làm Vườn

Dụng Cụ Làm Vườn Pin 18V		59
DCS1836 / BCS-1836	Cửa Xích	59
BCS-1830	Cửa Xích	59
BCS-1800	Cửa Xích	59
BPCS-1800	Cửa Xích Cắt Cành	59
BHT-1803	Máy Tỉa Hàng Rào	60
BHT-1800	Máy Tỉa Hàng Rào	60
BPHT-1800	Máy Tỉa Hàng Rào	60
BHL-1800	Máy Tỉa Hàng Rào	60
BB-1800	Máy Làm Cỏ	60
BPB-1800	Máy Làm Cỏ	60
BK-2350	Máy Cắt Cỏ	61
BK-1802	Máy Cắt Cỏ	61
BK-1801	Máy Cắt Cỏ	61
BK-1800	Máy Cắt Cỏ	61
Dụng Cụ Làm Vườn		62
CS-402L	Cửa Xích	62
CS-2240	Cửa Xích	62
AK-3710	Máy Cắt Cỏ	62
AK-3000	Máy Cắt Cỏ	62
BSH-120	Máy Cắt Cành 3.6V	63
AB-1120	Máy Làm Cỏ	63
AB-1620	Máy Làm Cỏ	63
PAB-1620	Máy Làm Cỏ	63
HT-3523	Máy Tỉa Hàng Rào	65
HT-4243	Máy Tỉa Hàng Rào	65
HT-5043	Máy Tỉa Hàng Rào	65

Áo Khoác Làm Mát

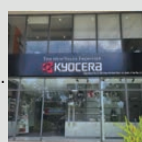
Áo Khoác Làm Mát	66
-------------------------	-----------

Công Ty TNHH KYOCERA Asia Pacific Việt Nam



Trụ sở văn phòng Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 207, tầng 2, tòa nhà V-Tower, 649 Kim Mã, Phường Giảng Võ, Hà Nội.



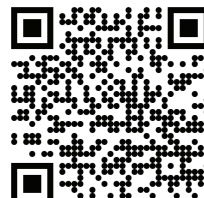
Văn phòng Hồ Chí Minh

Địa chỉ: SH74 Nam Phúc, Đường C Nam, Phường Tân Mỹ, TP.HCM

SĐT: 0903 058 379

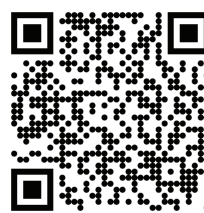
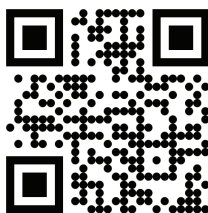


Công Ty TNHH KYOCERA Asia Pacific Việt Nam



Web site: <https://vietnam.kyocera.com/products/powertools/>
Facebook: "Kyocera Asia Pacific Vietnam"

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BAT
NHÀ PHÂN PHỐI ĐỘC QUYỀN DỤNG CỤ CẦM TAY KYOCERA



Web site: <https://batjsc.com/>
Facebook: "BAT JSC"